



**EVN CPC**  
**PC KHANH HOA**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA**

# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2010**



*Nha Trang, tháng 04 năm 2011*

## MỤC LỤC

<b>Lịch sử hoạt động của Công ty</b>	<b>Trang 02</b>
<b>Báo cáo của Hội đồng Quản trị Công ty</b>	<b>Trang 06</b>
<b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc Công ty</b>	<b>Trang 10</b>
<b>Bản giải trình Báo cáo tài chính</b>	<b>Trang 21</b>
<b>Các công ty có liên quan</b>	<b>Trang 25</b>
<b>Tổ chức và nhân sự</b>	<b>Trang 27</b>
<b>Thông tin cổ đông và quản trị Công ty</b>	<b>Trang 34</b>
<b>Phụ lục báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2010</b>	<b>Trang 40</b>

## LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



*Niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh*

### 1. Những sự kiện quan trọng:

#### a. Việc thành lập:

Ø Sở quản lý và phân phối điện Phú Khánh được thành lập theo quyết định số 3799 QĐ/TCCB ngày 14/4/1976 của Bộ điện và than. Từ tháng 4/1976 đến 1981: Sở Quản lý và Phân phối điện Phú Khánh trực thuộc Công ty Điện lực Miền Trung - Bộ Điện và Than.

Ø Từ năm 1981 đến tháng 10/1989: đổi tên thành Sở Điện lực Phú Khánh trực thuộc Công ty Điện Lực 3 - Bộ Năng lượng.

Ø Từ tháng 10/1989 đến tháng 6/1993: đổi tên thành Sở Điện lực Khánh Hòa trực thuộc Công ty Điện lực 3 – Bộ Năng lượng (do tách hai tỉnh Phú Yên và Khánh Hòa từ tháng 06/1989).

Ø Ngày 08/03/1996 đổi tên thành Điện Lực Khánh Hoà, trực thuộc Công ty Điện lực 3 - Tổng Công ty Điện Lực Việt Nam theo Quyết định số 261/ĐVN/TCCB-LĐ của Tổng Công ty Điện Lực Việt Nam.

#### b. Chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần:

Ø Ngày 06/12/2004, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ra Quyết định số 161/2004/QĐ-BCN về việc chuyển Điện lực Khánh Hoà thành Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hoà.

Ø Ngày 01/07/2005 Công ty Cổ phần Điện Lực Khánh Hoà chính thức đi vào hoạt động với số vốn điều lệ là 163.221.000.000 đồng, trong đó Nhà nước nắm giữ 51% tương đương 83.242.800.000 đồng.

### **c. Niêm yết:**

Ø Ngày 12/7/2005 Trung Tâm Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội có quyết định số 06/QĐ-TTGDCKHN về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa.

Ø Ngày 08/12/2006 Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp giấy phép niêm yết số 107/UBCK-GPNY cho cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Trung Tâm Giao dịch Chứng Khoán TPHCM, ngày 27/12/2006 cổ phiếu KHP của Công ty chính thức giao dịch tại Trung tâm GDCK TPHCM.

Ø Ngày 05/09/2007 phát hành thêm và niêm yết bổ sung 1.086.986 cổ phiếu nhằm tăng vốn điều lệ từ nguồn thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2006 được miễn và chia cổ tức đợt 3 năm 2006: 10.869.860.000 đồng. Vốn điều lệ: 174.090.860.000 đồng, trong đó Nhà nước nắm giữ 51% tương đương 88.792.320.000 đồng.

Ø Ngày 29/07/2009, Công ty phát hành thêm và niêm yết bổ sung 3.480.982 cổ phiếu nhằm tăng vốn điều lệ từ nguồn thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2007 được miễn, giảm năm 2008 và chia cổ tức đợt 3 năm 2008. Vốn điều lệ của Công ty là 208.900.680.000 đồng, trong đó Nhà nước nắm giữ 51% vốn điều lệ của Công ty - tương đương 106.550.780.000 đồng.

Ø Ngày 05/03/2010, Công ty đã thực hiện xong việc chào bán cổ phiếu ra công chúng và niêm yết bổ sung 20.661.228 cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán TP HCM. Số tiền huy động từ đợt chào bán này nhằm chi trả cho tài sản lưới điện 110kV tiếp nhận. Vốn điều lệ hiện tại của Công ty là 415.512.960.000 đồng, trong đó Nhà nước nắm giữ 51,53% vốn điều lệ Công ty – tương đương 214.114.270.000 đồng.

## **2. Quá trình phát triển:**

### **a. Ngành nghề kinh doanh:**

- Sản xuất và kinh doanh điện năng; Quản lý, vận hành lưới điện phân phối có cấp điện áp đến 110 kV;
- Xây dựng, lắp đặt, quản lý, vận hành và sửa chữa các nhà máy thủy điện, nhiệt điện nhỏ, các nhà máy điện diesel, máy phát điện diesel. Xây lắp các công trình điện, lưới và trạm điện có cấp điện áp đến 110 kV, các công trình viễn thông công cộng, công trình công nghiệp và dân dụng;
- Tư vấn lập dự án đầu tư, quản lý dự án nhà máy nhiệt điện nhỏ, đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 110 kV và các công trình viễn thông;
- Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bê tông ly tâm;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị điện.
- Kinh doanh thiết bị viễn thông.
- Kinh doanh thương mại, thiết bị và phần mềm máy vi tính.
- Đại lý bán hàng vật tư, thiết bị điện;
- Dịch vụ khách sạn;
- Kinh doanh bất động sản. Cho thuê văn phòng;
- Đại lý các dịch vụ viễn thông công cộng. Kinh doanh các dịch vụ viễn thông công cộng và internet;

- Vận chuyển hàng hóa;
- Thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp cấp điện áp đến dưới 110 kV cấp 2, nhà máy điện cấp 4; Thí nghiệm thiết bị điện đến cấp điện áp 110kV. Kiểm định công tơ điện;
- Kinh doanh dịch vụ quảng cáo;
- Gia công chế tạo các sản phẩm cơ khí (trừ máy móc, thiết bị);
- Đại lý bảo hiểm;

### **b. Tình hình hoạt động:**

Từ sau khi cổ phần hoá, Công ty đã tăng cường củng cố cơ cấu tổ chức và cải tiến phương pháp quản lý, sắp xếp gọn nhẹ bộ máy đảm bảo hiệu quả cao trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngoài lĩnh vực kinh doanh điện năng, Công ty đã mở rộng sản xuất kinh doanh trên nhiều lĩnh vực khác như đại lý kinh doanh viễn thông công cộng, kinh doanh vật tư thiết bị điện, tư vấn và thi công xây lắp các công trình điện, góp vốn thành lập các công ty cổ phần đầu tư thủy điện nhỏ, chế tạo thiết bị điện, sản xuất sản phẩm bê tông ly tâm dự ứng lực, bất động sản, chứng khoán,...

Kết quả kinh doanh của Công ty luôn tăng trưởng, vượt mức kế hoạch lợi nhuận Đại hội cổ đông giao, tình hình hoạt động của Công ty ổn định và phát triển tốt.

### **3. Định hướng phát triển:**

#### **a. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:**

- Cung cấp điện ổn định, đầy đủ cho nhu cầu khách hàng sử dụng điện trên địa bàn Công ty quản lý. Tăng cường công tác phát triển khách hàng, cải tạo và phát triển lưới điện, phấn đấu giảm tổn thất điện năng, mở rộng và nâng cao chất lượng các dịch vụ khách hàng sử dụng điện nhằm tăng cao doanh thu và lợi nhuận cho Công ty một cách bền vững. Xây dựng Công ty trở thành công ty phân phối điện dẫn đầu trong khu vực Nam Trung Bộ và Tây nguyên với ba lĩnh vực chính: *Kinh doanh điện năng, viễn thông, xây lắp và các dịch vụ về điện*, trong đó kinh doanh điện năng tiếp tục giữ vai trò chủ đạo, viễn thông và xây lắp, các dịch vụ về điện chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong cơ cấu doanh thu của Công ty.
- Tiếp tục khai thác cơ hội thị trường và thế mạnh của Công ty để đầu tư và kinh doanh các lĩnh vực mà Công ty có lợi thế về đất đai và môi trường phát triển kinh tế dịch vụ của địa phương, đầu tư vào các lĩnh vực tiềm năng nhằm gia tăng giá trị của Công ty trên thị trường như đầu tư kinh doanh bất động sản, dịch vụ du lịch... tại các khu đất ở vị trí đắc địa của Công ty.
- Mở rộng liên doanh đầu tư chiến lược vào các ngành nghề mới như sản xuất thiết bị điện, đầu tư xây dựng thủy điện nhỏ ...
- Đảm bảo tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) cao hơn mức trung bình của ngành, phấn đấu đạt 12%/năm trở lên.

#### **b. Chiến lược phát triển trung hạn và dài hạn:**

- Tiếp tục tập trung cải tạo lưới điện để nâng cao năng lực cấp điện và giảm tổn thất điện năng một cách bền vững, xây dựng và tìm kiếm các nguồn vốn đầu tư ưu đãi cho các dự án điện các khu kinh tế trọng điểm của Tỉnh Khánh Hoà. Phát huy hiệu quả các ngành nghề đang kinh doanh, đảm bảo ổn định mức lợi nhuận cho công ty. Củng cố

nội lực để chuẩn bị cho hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi nền kinh tế hồi phục và phát triển.

- **Giai đoạn 2011 - 2015:** Dự báo sản lượng điện thương phẩm toàn tỉnh Khánh Hòa sẽ đạt gần 2 tỷ kWh vào năm 2015, tăng trưởng ổn định ở mức 12%-15%/năm. Trên cơ sở này, Công ty sẽ tập trung đầu tư phát triển lưới điện để cấp điện cho các khách hàng trọng điểm (khu công nghiệp, khu du lịch, khu kinh tế trọng điểm ...), chủ động trong việc xây dựng phương án giá mua bán điện khi thị trường điện hình thành.

Tham gia đầu tư kinh doanh trên các lĩnh vực tiềm năng và lợi thế của Công ty như: đầu tư và khai thác nguồn thủy điện nhỏ, sản xuất và kinh doanh thiết bị điện, đầu tư bất động sản tại các vị trí sẵn có và có lợi thế, công nghệ thông tin, sản phẩm bê tông ly tâm dự ứng lực ...

# BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## 1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm 2010:

Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa hiện là đơn vị phân phối kinh doanh điện đầu tiên và duy nhất đến thời điểm này của Tập đoàn Điện lực Việt Nam thực hiện cổ phần hóa. Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng, cung cấp điện cho toàn bộ khách hàng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa nên tốc độ tăng trưởng các ngành nghề kinh tế của địa phương có tác động đáng kể đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trong năm 2010, tốc độ tăng trưởng (GDP) của tỉnh Khánh Hòa tăng khoảng 11%, trong đó trong đó giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng ước tăng 15% (riêng giá trị sản xuất công nghiệp ước tăng 10%), giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản ước tăng 2,3%; giá trị dịch vụ ước tăng 16%. Điều này đã tác động đến sản lượng điện năng của Công ty. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của việc tiết giảm điện của hệ thống điện quốc gia giai đoạn giữa năm nên tốc độ tăng trưởng điện thương phẩm đạt thấp khoảng 7,42% so với năm 2009 (năm 2009: 9,12%).

Kinh tế trong Tỉnh tiếp tục chuyển dịch theo cơ cấu dịch vụ - du lịch 44,19%, công nghiệp - xây dựng 42,23%, nông - lâm - thủy sản 13,58%, điều này đã tác động đến cơ cấu tỷ trọng các thành phần phụ tải của Công ty. Các ngành kinh tế du lịch dịch vụ phát triển đã làm tăng đáng kể giá bán điện bình quân, góp phần tăng doanh thu và lợi nhuận cho Công ty.

Sự phục hồi nhanh chóng của nền kinh tế trong năm 2010 đã tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Áp lực nâng cao năng lực cung cấp nhu cầu về điện để phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn Tỉnh trong giai đoạn thiếu nguồn và công suất là một vấn đề nan giải đối với Công ty. Tuy nhiên, Công ty đã vượt qua được những khó khăn, đạt được kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả, ổn định. Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch lợi nhuận mà Đại hội đồng cổ đông giao. Tổng lợi nhuận trước thuế đạt 106,273 tỷ đồng, bằng 175,85% kế hoạch, tăng 45,183 tỷ đồng so với năm 2009. Lợi nhuận sau thuế đạt 77,418 tỷ đồng, bằng 175,85% kế hoạch ĐHĐCĐ giao..

## 2. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu năm 2010:

CHỈ TIÊU	Đvt	Kế hoạch	Thực hiện	So với kế hoạch	So với năm 2009
1. Vốn điều lệ	Tỷ đồng	415,513	415,513	100,00%	
2. Tổng lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	58,700	106,273	181,04%	173,96%
- Lợi nhuận sản xuất điện	Tỷ đồng	33,200	50,091	150,88%	134,27%
- Lợi nhuận sản xuất khác (*)	Tỷ đồng	25,500	56,182	220,32%	236,25%
3. Thuế TNDN (**)	Tỷ đồng	14,675	28,855	196,36%	191,74%
- Được miễn	Tỷ đồng	7,337	9,752	132,91%	227,15%
- Phải nộp	Tỷ đồng	7,338	19,103	260,35%	177,60%
4. Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	44,025	77,418	175,85%	168,15%

**Ghi chú:** (\*) Sản xuất khác bao gồm: xây lắp, khảo sát thiết kế, mắc dây đặt đèn, cho thuê bao, nhượng bán vật tư, thanh lý vật tư thu hồi, hoạt động tài chính ...

(\*\*) Thuế TNDN phải nộp và được miễn có sự chênh lệch so với kết quả kinh doanh trong Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2010 là 1.394.804.307 đồng do nhận được tiền thuế TNDN được miễn của năm 2009 trong năm 2010.

### **3. Những thay đổi chủ yếu trong năm :**

#### **a. Về việc tăng vốn điều lệ:**

Cuối năm 2009, Công ty đã phối hợp với đơn vị tư vấn là Công ty Cổ phần Chứng khoán Hà Thành tiến hành xây dựng Bản cáo bạch và các thủ tục có liên quan gửi Ủy Ban chứng khoán Nhà nước để xin cấp giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng theo phương án phát hành đã được ĐHĐCĐ thường niên 2009 thông qua. Ngày 23/11/2009, Ủy Ban chứng khoán Nhà nước đã cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 458/UBCK-GCN cho cổ đông hiện hữu và CBCNV Công ty. Đồng thời, Công ty đã thực hiện việc chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho cổ đông chiến lược là Tập đoàn Điện lực Việt Nam để đảm bảo tỷ lệ 51% chi phối tại Công ty sau khi chào bán cho CBCNV Công ty:

- Tổng số cổ phần chào bán: 21.088.639 cổ phần, trong đó:
  - + Chào bán cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:1: 20.890.068 cổ phần.
  - + Chào bán cho CBCNV Công ty: 97.300 cổ phần.
  - + Chào bán riêng lẻ cho cổ đông chiến lược (EVN): 101.271 cổ phần.
- Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phần.

Ngày 27/01/2010, Công ty đã kết thúc đợt chào bán với số cổ phần đã phân phối là 20.661.228 cổ phần chiếm 97,97% tổng số cổ phần được phép chào bán. Số tiền thu được từ đợt chào bán 206.612.280.000 đồng được sử dụng để chi trả cho tài sản lưới điện 110kV Khánh Hòa tiếp nhận.

Ngày 05/03/2010, Công ty đã niêm yết bổ sung toàn bộ số cổ phần đã phân phối trên sàn giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh. Vốn điều lệ mới của Công ty là 415.512.960.000 tỷ đồng.

#### **b. Tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng:**

- Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng: 206.612.280.000 đồng.
- Mục đích sử dụng: để chi trả một phần tài sản lưới điện 110kV Khánh Hòa tiếp nhận từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam từ ngày 01/01/2008 (Giá trị tiếp nhận: 350.185.781.031 đồng).
- Tình hình sử dụng vốn: tính đến thời điểm ngày 31/12/2010, Công ty đã thực hiện việc chi trả một phần tiền vay mua tài sản lưới điện 110kV Khánh Hòa cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam với số tiền là: **134.184.972.693** đồng.
- Số tiền huy động còn lại là **72.427.307.307** đồng được dùng để trả nợ tiền mua tài sản 110kV Khánh Hòa theo tiến độ hợp đồng vay giữa Công ty và Tập đoàn Điện lực Việt Nam.



### **c. Những khoản đầu tư trong năm:**

Trong năm 2010, căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như của các Công ty cổ phần có tham gia góp vốn, Công ty đã cân đối và chỉ tiếp tục đầu tư góp vốn thêm vào một số Công ty con, công ty liên kết khác như:

Tổng số vốn góp trong năm 2010: 10,155 tỷ đồng.

✓ Góp vốn vào Công ty CP Thiết bị Điện VINASINO (VSEE JSC):

Góp vốn 1.732.500.000 đồng, nâng tổng số vốn góp vào công ty này là 4,62 tỷ đồng.

✓ Góp vốn vào Công ty Cổ phần bất động sản EVNLand Nha Trang:

Trong năm 2010, Công ty tiếp tục đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần BĐS EVNLand Nha Trang để thực hiện đầu tư xây dựng khu Resort tại khu du lịch Bắc bán đảo Cam Ranh với số vốn góp là góp vốn 5.422.500.000 đồng, nâng tổng số vốn góp vào công ty này là 16,2675 tỷ đồng.

✓ Góp vốn góp vào Công ty cổ phần thủy điện Sông Chè:

Đã góp vốn 3 tỷ đồng, nâng tổng số vốn góp vào Công ty này là 8,06 tỷ đồng.

✓ Lĩnh vực cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng:

Công ty đã nỗ lực tìm kiếm các giải pháp, phương thức kinh doanh hiệu quả nhằm đem lại lợi nhuận cho Công ty. Công ty đã xây dựng được 42 trạm BTS phát sóng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, 470 km cáp quang, 9 km cáp đồng, 9 thiết bị tập trung thuê bao Internet qua ADSL (DS-LAM), 01 thiết bị tập trung thuê bao Internet qua THC (CMTS), phát triển được 63 thuê bao FTTH ... Công tác đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng mạng cung cấp dịch vụ 3G đang được triển khai giai đoạn 2 với quy mô xây mới 11 trạm, mở rộng lắp đặt thêm thiết bị cho 33 trạm còn lại để nâng cao năng lực cung cấp dịch vụ 3G trên toàn địa bàn tỉnh. Trong năm 2010 đã cung cấp dịch vụ 3G trên toàn địa bàn Tỉnh Khánh Hòa.

### **d. Nhận chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty cổ phần thủy điện Sông Chè:**

Theo Nghị quyết số 34/NQ-ĐLKH-HĐQT ngày 09/02/2010 của Hội đồng quản trị Công ty về việc nhận chuyển nhượng quyền góp vốn của cổ đông sáng lập là Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 9 với số cổ phần là 475.000 cổ phần, nâng tỷ lệ vốn góp của Công ty từ 45% lên 56,875%. Như vậy, Công ty Thủy điện Sông Chè trở thành công ty con của Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa.

### **4. Triển vọng và kế hoạch tương lai:**

- Công ty thực hiện cải tạo, đầu tư xây dựng lưới điện 110kV và lưới điện trung, hạ áp nhằm đảm bảo cung cấp điện ổn định và đầy đủ cho nhu cầu sử dụng của khách hàng trong địa bàn Tỉnh.

- Triển khai dự án đầu tư xây dựng đường dây và TBA 110kV Ninh Thủy để cấp điện cho Khu kinh tế Vân Phong, khu công nghiệp Ninh Thủy.

- Tiếp tục thực hiện kế hoạch tiếp nhận lưới điện quân đội trên địa bàn Công ty quản lý.

- Tổ chức xây dựng phương án mở rộng và phát triển sản xuất của Xí nghiệp Cơ điện – Thí nghiệm nhằm nâng cao năng lực hoạt động cơ khí điện lực của Xí nghiệp đáp ứng cho yêu cầu phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Tiếp tục xúc tiến nghiên cứu các dự án:

+ Dự án cụm Khách sạn Nha Trang Power Hotel và chung cư cao cấp tại 28 Trần Phú (Tự do), Vĩnh Nguyên, Nha Trang. Nguyên đây là Nhà máy điện diesel của Công ty, nằm ven biển Nha Trang, diện tích khu đất là 14.500 m<sup>2</sup>. Nhà máy này Công ty đã ngưng hoạt động vì gây ô nhiễm môi trường. Trong năm 2010, Công ty đã thuê tư vấn tổ chức nghiên cứu thị trường cho dự án này.

+ Dự án cụm cao ốc tổng hợp Nha Trang Power Tower tại 11 Lý Thánh Tôn, Nha Trang. Hiện đây là trụ sở của Công ty, nằm ở trung tâm thành phố Nha Trang, diện tích 5.500 m<sup>2</sup>.

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

### 1. Báo cáo tình hình tài chính:

#### Các chỉ tiêu tài chính cơ bản :

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2009	2010
1	Cơ cấu tài sản	%		
	- Tài sản cố định & đầu tư dài hạn/Tổng tài sản		58,56%	53,64%
	- Tài sản lưu động/Tổng tài sản		41,44%	46,36%
2	Cơ cấu nguồn vốn	%		
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn		69,40%	53,35%
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn		30,60%	46,65%
3	Khả năng thanh toán	lần		
	- Khả năng thanh toán nhanh		1,06	1,63
	- Khả năng thanh toán hiện hành		1,21	1,93
4	Tỷ suất lợi nhuận	%		
	- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản		7,20%	10,03%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		4,91%	7,36%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn CSH		19,70%	18,01%

Ø Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2010: Tổng tài sản của Công ty vào thời điểm 31/12/2010 là **1.059.613.508.568 đồng**;

Ø Vốn điều lệ tại thời điểm 31/12/2010 là **415.512.960.000 đồng**.

#### Ø Những thay đổi về vốn cổ đông:

Thời điểm	Vốn tăng thêm (đồng)	Phương thức tăng vốn	Vốn điều lệ (đồng)
Khi thành lập 07/2005			163.221.000.000
Lần 1: 09/2007	10.869.860.000	Chia cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng theo tỷ lệ 15:1 cho cổ đông	174.090.860.000
Lần 2: 07/2009	34.809.820.000	Chia cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng theo tỷ lệ 5:1 cho cổ đông	208.900.680.000
Lần 3: 03/2010	206.612.280.000	Chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu, CBCNV và cho cổ đông chiến lược là Tập đoàn Điện lực Việt Nam	415.512.960.000

#### Phân tích các chỉ tiêu tài chính:

Năm 2010 Công ty phát hành cổ phiếu, nâng vốn góp của chủ sở hữu từ 208.900.680.000 đồng lên 415.512.960.000 đồng, mục đích của việc phát hành cổ phiếu để trả nợ cho khoản vay lại của EVN về tài sản lưới điện 110KV. Dẫn đến cơ

cầu tài sản lưu động/ tổng TS, nguồn vốn chủ sở hữu/ tổng nguồn vốn tăng hơn so với năm 2009. Công ty đã dùng nguồn phát hành cổ phiếu để thanh toán nợ gốc vay cho EVN theo kế hoạch trả nợ vay trong hợp đồng vay lại, và còn một phần sẽ trả nợ trong năm 2011, điều này lý giải cho khả năng thanh toán nợ của Công ty năm 2010 tăng hơn so với năm 2009. Lợi nhuận sau thuế năm 2010: 89,033 tỷ đồng, tăng 38,7 tỷ đồng so với năm 2009 do Công ty đã áp dụng các giải pháp tăng doanh thu, tăng giá bán điện bình quân, giảm chi phí sản xuất kinh doanh điện năng, đẩy mạnh các hoạt động dịch vụ điện và sản xuất khác.

Mặc dù đã có những giải pháp rất hữu hiệu nhằm tăng lợi nhuận sản xuất kinh doanh, nhưng do vốn chủ sở hữu sau khi phát hành tăng 1,99 lần so với năm 2009 nên tốc độ tăng lợi nhuận không bằng tốc độ tăng vốn chủ sở hữu..

Ø Tổng số cổ phiếu theo từng loại:

Cổ phiếu phổ thông: **41.551.296** cổ phiếu.

Ø Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại: không có

Ø Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại:

Cổ phiếu phổ thông : **41.551.296** cổ phiếu.

Ø Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ: không có

Ø Cổ tức:

+ Trong năm 2010, Công ty đã thực hiện việc chi trả cổ tức đợt 2 năm 2009 với tỷ lệ 6% bằng tiền mặt trên vốn điều lệ 415.512.960.000 đồng với số tiền là 24.930.777.600 đồng. Đồng thời thực hiện việc tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2010 bằng tiền mặt với tỷ lệ 5% tương đương với số tiền 20.775.648.000 đồng.

+ Dự kiến Công ty sẽ chi trả cổ tức đợt 2 bằng tiền mặt với tỷ lệ 7% từ nguồn lợi nhuận của năm 2010 cho cổ đông sau khi ĐHCĐ thường niên 2011 thông qua mức cổ tức năm 2010 là 12%.

## 2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

CHỈ TIÊU	Đvt	Kế hoạch	Thực hiện	So với KH 2010	so với năm 2009
<b>I. Sản xuất điện</b>					
1. Điện mua và điện phát	Tr.kWh	1.123,690	1.097,949	97,71%	107,04%
1.1 Điện mua	Tr.kWh		1.097,697		107,02%
1.2 Điện phát	Tr.kWh		0,252		194,30%
2. Điện thương phẩm (điện bán)	tr.kWh	1.048,403	1.023,834	97,66%	107,42%
3. Tỷ lệ tổn thất điện năng	%	6,70	6,75	0,05	(0,15)
4. Giá bán điện bình quân (*)	đ/kWh	1.098	1.107,59	9,59	+93,48
5. Doanh thu bán điện (**)	Tỷ đồng	1.151,146	1.136,743	98,75%	117,28%
6. Lợi nhuận sản xuất điện	Tỷ đồng	33,200	50,091	150,88%	134,27%
<b>II. Sản xuất khác</b>					
1. Lợi nhuận sản xuất khác (***)	Tỷ đồng	25,500	56,182	220,32%	236,25%

<b>III. Tổng lợi nhuận trước thuế</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>58,700</b>	<b>106,273</b>	<b>181,04%</b>	<b>173,96%</b>
<b>IV. Thuế TNDN 25% (****)</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>14,675</b>	<b>28,855</b>	<b>196,36%</b>	<b>191,74%</b>
1. Phải nộp	Tỷ đồng	7,338	19,103	260,35%	177,60%
2. Được miễn giảm	Tỷ đồng	7,337	9,752	132,91%	227,15%
<b>V. Lợi nhuận sau thuế (*****)</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>44,025</b>	<b>77,418</b>	<b>175,85%</b>	<b>168,15%</b>

**Ghi chú:** (\*) Giá bán điện bình quân năm 2010 tăng cao so với năm 2009 do tăng giá bán điện của Chính phủ vào tháng 03/2010.

(\*\*) Doanh thu bán điện bao gồm: doanh thu tiền điện, tiền công suất phản kháng, trợ giá xã đảo.

(\*\*\*) Sản xuất khác bao gồm: xây lắp, khảo sát thiết kế, mắc dây đặt đèn, cho thuê bao, nhượng bán vật tư, thanh lý vật tư thu hồi, hoạt động tài chính ...

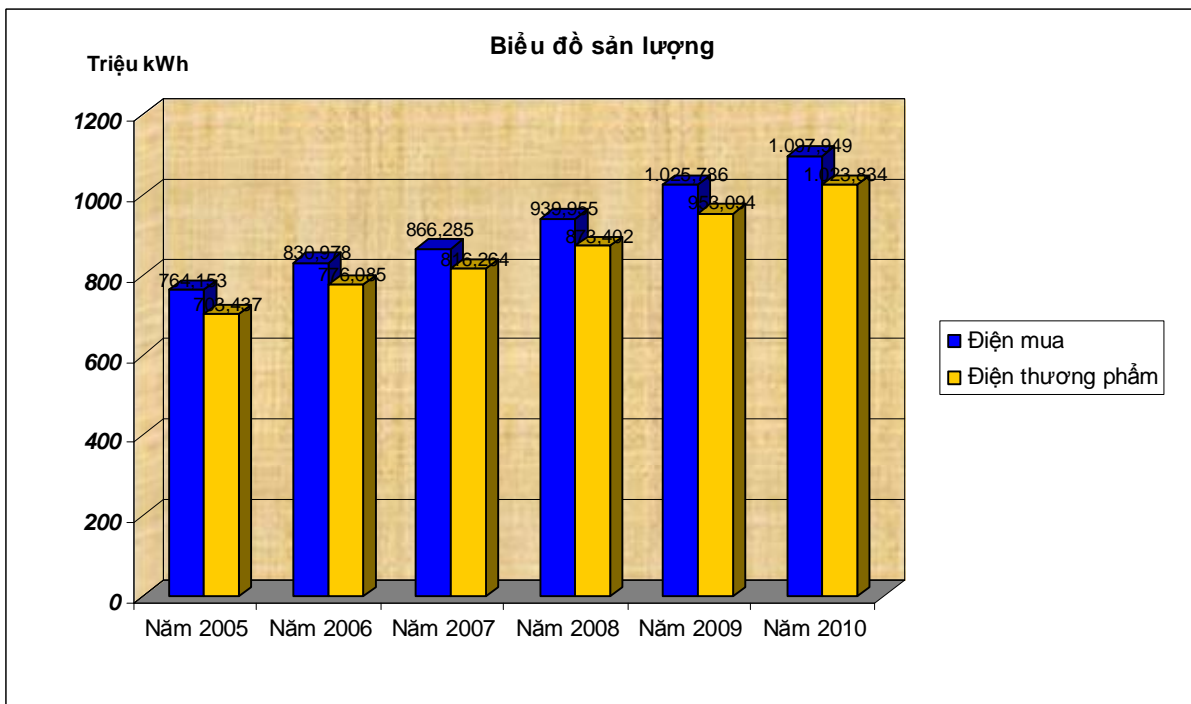
(\*\*\*\*) Thuế TNDN phải nộp và được miễn có sự chênh lệch so với kết quả kinh doanh trong Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2010 là 1.394.804.307 đồng do nhận được tiền thuế TNDN được miễn của năm 2009 trong năm 2010.

(\*\*\*\*\* ) Lợi nhuận sau thuế không bao gồm thuế TNDN năm 2010 được giảm.

#### a. Về hoạt động sản xuất điện:

Trong năm 2010, sự phục hồi của nền kinh tế đã làm tăng sản lượng điện thương phẩm của Công ty trong giai đoạn đầu năm. Tuy nhiên, do sự thiếu công suất và nguồn điện của lưới điện quốc gia đã ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất kinh doanh điện năng của Công ty.

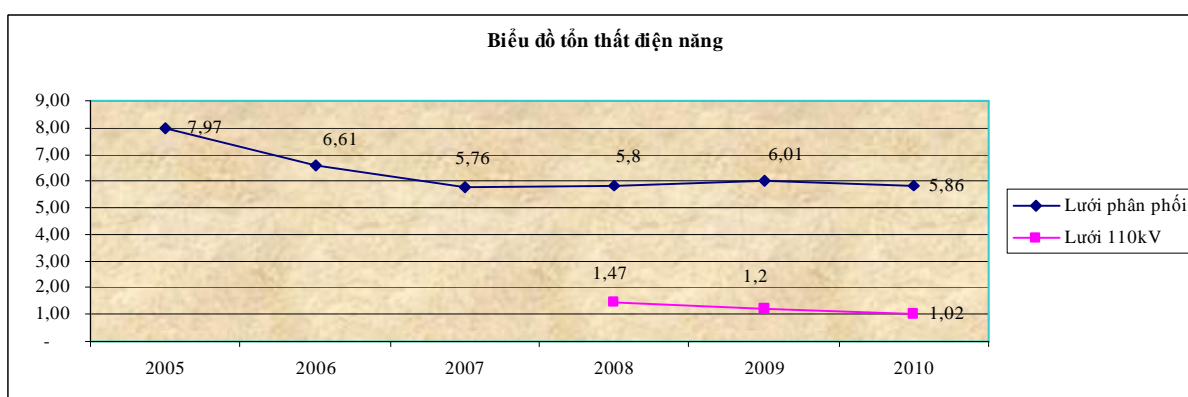
Sản lượng điện thương phẩm chỉ đạt 97,66 % so với kế hoạch đề ra do các nguyên nhân sau:



- Tình hình thiếu công suất và nguồn điện của lưới điện quốc gia kéo dài từ tháng 04/2010 đến hết tháng 6/2010.
- Hoạt động sản xuất của các khách hàng ở cấp điện áp 110kV giảm so với năm 2009 (Công ty Cổ phần Dệt may Nha Trang giảm sản lượng điện tiêu thụ khoảng 6%, Nhà máy tàu biển Hyundai giảm 19%).
- Khách hàng Vinpearl Land Nha Trang giảm sản lượng điện tiêu thụ khoảng 2% so với năm 2009.

Do nguyên nhân sản lượng điện thương phẩm chưa đạt so với kế hoạch đề ra nên Doanh thu bán điện thực hiện (chưa có thuế VAT và kể cả doanh thu bán công suất phản kháng và trợ giá xã đảo): 1.136,743 tỷ đồng, đạt 98,57% so với kế hoạch, tăng 17,28% so với năm 2009;

**- Về chỉ tiêu tổn thất điện năng:**



Trong năm 2010, Công ty thực hiện chỉ tiêu tỷ lệ tổn thất điện năng là 6,75%, cao hơn kế hoạch giao 0,05%. Tuy nhiên, so với năm 2009 chỉ tiêu tổn thất điện năng giảm hơn 0,33%.

Những nguyên nhân làm cho chỉ tiêu tổn thất điện năng giảm so với năm 2009 là do:

- Công ty đã đề ra được nhiều biện pháp để giảm tổn thất điện năng đến mức có thể. Tổ chức thực hiện công tác hiệu suất khu vực, công tác phân tích số liệu và thực hiện có hiệu quả các hạng mục đầu tư xây dựng, sửa chữa lớn nhằm giảm tổn thất điện năng ở các khu vực.

Sau khi tiếp nhận và quản lý vận hành lưới điện 110kV Khánh Hòa được 03 năm, công tác quản lý vận hành luôn được Công ty quan tâm đặc biệt. Vì vậy, điện áp vận hành và công suất phản kháng tại các TBA 110kV luôn được duy trì theo dõi vận hành hợp lý, chủ động đóng cắt các giàn tụ bù tập trung. Tỷ lệ tổn thất điện năng của lưới điện 110kV năm 2010 đã giảm còn 1,02% (năm 2009 là 1,2%).

Tổn thất điện năng của khu vực lưới phân phối giảm 0,15% so với năm 2009 do nguyên nhân:

+ Việc đầu tư lắp đặt thêm nhiều giàn tụ bù hạ áp để bù rải trên lưới hạ áp nhằm nâng cao hệ số Cos  $\phi$  làm giảm công suất vô công truyền tải trên lưới điện, khai thác hiệu quả năng lực chuyên tải của lưới điện.

+ Một số công trình cải tạo nâng cấp điện áp vận hành từ 15kV lên 22kV để chống quá tải các trạm trung gian trong năm 2010 đã góp phần làm giảm tổn thất điện năng.

+ Hàng loạt các công trình cải tạo sửa chữa lớn, nâng công suất và xây dựng mới để nâng cao năng lực cung cấp điện cho lưới điện đã phát huy tác dụng trong năm 2010.

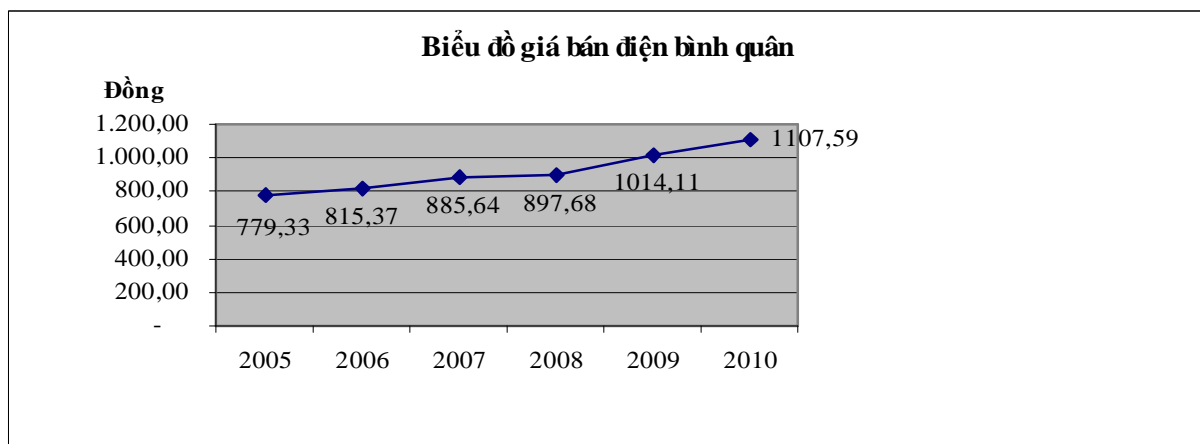
Mặc dù gặp nhiều khó khăn nhưng Công ty đã đề ra những biện pháp kịp thời giải quyết có hiệu quả nên các chỉ tiêu về hoạt động SXKD trong năm 2010 đã đạt được những kết quả cao so với kế hoạch Đại hội đồng cổ đông đề ra: Tổng lợi nhuận trước thuế đạt 106,273 tỷ đồng, bằng 181,04% kế hoạch, tăng 73,96% so với năm 2009.

Các nguyên nhân đã góp phần quan trọng cho Công ty hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông đề ra như:

**- Về chi phí sản xuất:**

Thực hiện tốt việc giảm chi phí sản xuất kinh doanh điện: Công các vận hành hệ thống điện hợp lý, huy động các nguồn sản xuất điện khác của Nhà máy Đường Cam Ranh hiệu quả. Tổ chức tốt công tác đấu thầu các công trình đầu tư xây dựng. Giảm chi phí sửa chữa lớn do sử dụng vật tư thiết bị thu hồi còn chất lượng tốt nên giảm chi phí mua sắm mới và tiết kiệm các chi phí khác trong sản xuất kinh doanh làm tổng chi phí giảm gần 5 tỷ đồng.

**- Về chỉ tiêu giá bán điện bình quân:**



Giá bán bình quân năm 2010 thực hiện 1.107,59 đồng/kWh tăng 7,59 đồng/kWh so với kế hoạch và tăng 93,48 đồng/kWh so với năm 2009. Trong đó 83,89 đồng/kWh tăng do tăng giá bán lẻ theo quy định của Chính phủ, tăng 9,59 đồng/kWh so với kế hoạch do thực hiện tốt công tác áp giá bán điện đúng mục đích cho khách hàng, tăng cường công tác lắp đặt công tơ điện tử 3 giá cho các khách sạn, nhà hàng sử dụng điện lớn, đẩy mạnh công tác thay thế công tơ, TI, TU định kỳ, tích cực đẩy mạnh công tác kiểm tra sử dụng điện, ngăn chặn kịp thời mọi hành vi ăn cắp điện đã làm tăng doanh thu tiền điện hơn 10 tỷ đồng.

Nguyên nhân chủ yếu của việc tăng giá bán bình quân của Công ty do:

+ Đầu năm 2010, Thủ tướng chính phủ có quyết định tăng giá điện (tăng 6,8% so với mức giá cũ). Điều này đã làm tăng giá bán điện bình quân của Công ty khoảng 83,89 đồng/kWh.

+ Tốc độ tăng trưởng của các thành phần kinh tế có giá bán điện cao như kinh doanh dịch vụ - du lịch tăng 105 đồng/kWh (Vinpearl có giá bình quân 1.806

đồng/kWh, khách sạn Sheraton có giá bình quân 1.759 đồng/kWh), sản lượng tiêu thụ sinh hoạt ở mức bậc thang 5,6 và 7 tăng nhiều với mức tăng giá trên 80 đồng/kWh.

+ Tăng cường công tác lắp đặt công tơ điện tử 3 giá cho các khách sạn, nhà hàng sử dụng điện lớn.

+ Tăng cường công tác kiểm tra, áp giá đúng đối tượng sử dụng điện cho khách hàng.

+ Đẩy mạnh công tác thay thế công tơ, TI, TU định kỳ.

+ Tích cực đẩy mạnh công tác kiểm tra sử dụng điện, ngăn chặn kịp thời mọi hành vi ăn cắp điện.

+ Có sự dịch chuyển cơ cấu các thành phần kinh tế từ nông, lâm nghiệp, thủy sản sang công nghiệp, thương mại, du lịch và ánh sáng sinh hoạt.

#### **- Về hoạt động sản xuất khác:**

Lợi nhuận sản xuất kinh doanh khác tăng: Do đẩy mạnh các hoạt động dịch vụ điện và sản xuất khác, góp phần tăng đáng kể doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Lợi nhuận sản xuất kinh doanh khác bao gồm:

- Tư vấn, khảo sát thiết kế, xây lắp công trình điện;
- Mắc dây đặt đèn sau công tơ cho khách hàng;
- Cho thuê bao MBA;
- Kiểm tra thí nghiệm định kỳ công trình và thiết bị điện;
- Giám sát thi công đóng cắt điện phục vụ thi công công trình;
- Biên soạn quy trình, đào tạo vận hành;
- Nhượng bán vật tư ...

Ngoài ra năm 2010 Công ty thanh lý cụm máy phát điện tại nhà máy điện Chụt thu được lợi nhuận trên 7 tỷ đồng, đồng thời việc cân đối sử dụng vốn nhàn rỗi để đầu tư tài chính ngắn hạn góp phần làm tăng tổng lợi nhuận cho Công ty. Tổng lợi nhuận sản xuất kinh doanh khác là 56,182 tỷ đồng vượt 30,682 tỷ đồng so với kế hoạch.

Năm 2010 Công ty tiếp tục trích lập thêm dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn cho cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Hà Thành với số tiền là 3,75 tỷ đồng, nâng tổng trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn cho công ty này lên 15 tỷ đồng.

### **3. Những tiến bộ Công ty đã đạt được**

#### **a. Cơ cấu tổ chức:**

Trong năm 2010, Công ty đã có những cải tiến sắp xếp lại cơ cấu tổ chức cho gọn nhẹ, hợp lý nhằm giảm bớt đầu mối quản lý và bố trí cán bộ quản lý phù hợp hơn nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác quản lý điều hành của Công ty:

- Để đáp ứng yêu cầu về việc quản lý, theo dõi đầu tư, cân đối nguồn vốn và xây dựng các dự án TBA 110kV trên địa bàn Tỉnh, Công ty đã thành lập Ban Quản lý dự án điện.

- Nhằm phát huy những lợi thế trong lĩnh vực hoạt động tư vấn thiết kế điện và viễn thông nhằm đem lại lợi nhuận cho Công ty, đồng thời tạo sự chủ động trong kinh



doanh, Công ty đã thành lập Trung tâm Tư vấn xây dựng điện. Trung tâm có chức năng nhiệm vụ tư vấn, lập dự án đầu tư, quản lý dự án nhà máy nhiệt điện nhỏ, đường dây và TBA có cấp điện áp đến 110kV; thiết kế các công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến dưới 110kV cấp 2, nhà máy điện cấp 4.

**b. Chính sách quản trị:**

- Công ty tiếp tục áp dụng Quy chế Quản trị Công ty, Quy chế làm việc của HĐQT nhằm tăng cường sự phối hợp trong công tác quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc. Ban hành các quy chế nội bộ để thống nhất quản lý trình tự, thủ tục tiến hành các hoạt động SXKD, xác định rõ ràng, đầy đủ nhiệm vụ của từng đơn vị trong bộ máy quản lý của Công ty.

- Thực hiện tốt hệ thống qui trình qui phạm và tiêu chuẩn kỹ thuật trong công tác quản lý kỹ thuật, vận hành lưới điện, công tác kỹ thuật an toàn, bảo hộ lao động. Các nhiệm vụ công việc trong Công ty đều có qui trình nhiệm vụ. Công ty đang rà soát để sửa đổi qui chế phân cấp quản lý trong Công ty nhằm phát huy tính chủ động sáng tạo của các đơn vị trực thuộc Công ty.

- Hiện nay Công ty đang áp dụng hình thức trả lương gắn với năng suất chất lượng và hiệu quả công việc, khuyến khích người lao động tích cực nâng cao năng suất lao động, hiệu quả làm việc. Ngoài ra, để động viên tinh thần làm việc, nâng cao năng suất lao động của đội ngũ cán bộ quản lý cũng như toàn thể CBCNV trong Công ty, Công ty đã ban hành và áp dụng Quy chế khen thưởng và kỷ luật CBQL điều hành Công ty.

- Trong năm 2010, Công ty đã xây dựng Hệ thống quản lý chất lượng áp dụng trong các hoạt động sản xuất kinh doanh tại tất cả các đơn vị trực thuộc Công ty. Ngày 14/01/2010 Công ty đã được cấp giấy chứng nhận TCVN ISO 9001:2008/ISO 9001:2008 của Trung tâm Chứng nhận Phù hợp Quacert thuộc Tổng Cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng có giá trị từ ngày 14/01/2010 đến ngày 05/01/2012 cho lĩnh vực: **“*Quản lý, vận hành lưới điện và kinh doanh điện năng; Đại lý cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng; Thí nghiệm điện; Xây lắp công trình điện.*”**

- Công ty rất quan tâm đến công tác đào tạo nguồn nhân lực thông qua việc xây dựng, ban hành các quy định về tổ chức bồi dưỡng nghề, giữ và thi nâng bậc cho đội ngũ công nhân kỹ thuật. Trên cơ sở xác định con người là yếu tố chính quyết định thành bại trong sản xuất kinh doanh, những năm qua Công ty luôn chú trọng đến công tác đào tạo nguồn nhân lực. Thường xuyên tổ chức và tham gia các khóa học đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn do ngành điện và các trường đại học tổ chức nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho CBCNV. Hiện nay, Công ty rất chú trọng đến đào tạo nguồn nhân lực quản lý cấp cao là đội ngũ cán bộ quản lý với các chương trình như đào tạo cao học chuyên ngành điện và kinh tế, cử cán bộ tham gia các lớp CEO, kế toán trưởng doanh nghiệp ... để đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty hiện tại cũng như tương lai. Hiện nay Công ty có 07 người có trình độ trên đại học và hiện đang có 08 người đang học trên đại học.

- Phối hợp Ban chấp hành Công đoàn Công ty tổ chức Hội nghị người lao động các đơn vị và toàn Công ty để bàn biện pháp thực hiện và hoàn thành các chỉ tiêu SXKD năm 2010, ký kết thỏa ước lao động tập thể, Nội quy lao động, thông qua quy chế sử dụng quỹ phúc lợi.

- Bảo đảm chất lượng, hiệu quả và tiết kiệm chi phí trong các hoạt động đấu thầu mua sắm hàng hóa, sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn, đầu tư xây dựng ...

### **c. Kiểm soát nội bộ:**

Nhằm tăng cường công tác kiểm tra phòng chống tham nhũng, tiêu cực, lợi dụng chức vụ để thu vén tư lợi, chấn chỉnh các sai phạm trong công tác quản lý. Công ty đã thành lập bộ phận kiểm soát nội bộ. Đến nay, bộ phận kiểm soát nội bộ đã thanh kiểm tra toàn bộ các đơn vị trực thuộc Công ty, góp phần chấn chỉnh kịp thời những vi phạm trong công tác quản lý, tham mưu báo cáo HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Công ty để có những biện pháp giải quyết kịp thời và ổn định hoạt động sản xuất của Công ty.

### **d. Áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật:**

Công ty đã mạnh dạn áp dụng những công nghệ, thiết bị mới, tin học hóa trong điều khiển và vận hành lưới điện. Hiện nay tất cả các trạm biến áp 110 kV, 35 kV mà Công ty đang quản lý vận hành đã được nâng cấp và áp dụng công nghệ mới (Role kỹ thuật số, thiết bị điều khiển đóng cắt từ xa...) đảm bảo cung cấp đủ điện năng, tin cậy, đáp ứng tốt cho nhu cầu phát triển phụ tải trên địa bàn Tỉnh Khánh Hòa.

Áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, CNTT trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm nâng cao năng suất lao động trong dây chuyền sản xuất điện, từng bước đề ra các giải pháp tinh giảm tối đa lực lượng lao động trong dây chuyền sản xuất điện. Trong năm 2010 đã nghiệm thu và ứng dụng hai đề tài khoa học vào hoạt động SXKD điện năng : nghiên cứu công nghệ điều khiển tích hợp để chuyển đổi TBA 110kV Nam Cam Ranh từ điều khiển truyền thống sang điều khiển bằng máy tính và giám sát hoạt động TBA từ xa.



*Trạm biến áp 110kV Bình Tân*

Năm 2010, Công ty đã tổng kết một năm triển khai vận hành thí điểm trạm biến áp 110 KV 01 người trực (áp dụng hệ thống SCADA) tại TBA 110kV Bình Tân và đã được

EVN chấp thuận cho tiếp tục vận hành thí điểm TBA 110 KV Nam Cam Ranh 01 người trực, điều này đã góp phần đảm bảo tính kinh tế tối ưu trong vận hành lưới điện

Việc tiếp nhận và quản lý vận hành toàn bộ đường dây và trạm biến áp 110kV Khánh Hòa một cách an toàn và ổn định với phương thức vận hành kết lưới hợp lý, áp dụng công nghệ điều khiển trạm biến áp tích hợp từ xa (bán người trực) đã làm giảm đáng kể tỷ lệ tổn thất điện năng của lưới điện 110kV và giảm bớt lực lượng vận hành trạm biến áp, góp phần tăng năng suất lao động của Công ty. Đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển khách hàng ở cấp điện áp 110kV cũng như thúc đẩy phát triển nhanh hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng của Công ty trong thời gian đến. Đã đưa vào vận hành trạm bán người trực tại trạm biến áp 110kV Bình Tân từ tháng 7/2009 và đã triển khai mô hình này tại trạm biến áp 110kV Nam Cam Ranh trong năm 2010 nhằm nâng cao tính hiện đại và tăng năng suất lao động trong dây chuyền sản xuất kinh doanh điện năng. Trong năm 2011 sẽ tiếp tục triển khai áp dụng mô hình này tại TBA 110kV Ninh Thủy sau khi đi vào vận hành.

#### 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

##### a. Dự báo tình hình:

- Dự báo tốc độ tăng trưởng điện thương phẩm trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa năm 2011 khoảng 10% và có khả năng đạt mức cao hơn. Đồng thời, việc tăng giá bán điện bình quân khoảng 15,28% so với năm 2010 từ ngày 01/3/2011 của Chính phủ sẽ tác động đến tình hình tiêu thụ điện của các khách hàng.

- Tình trạng thiếu nguồn điện của hệ thống điện quốc gia dự báo xảy ra trong năm 2011.

- Nhu cầu về vốn đầu tư cho các dự án lưới điện 110kV, hoàn thiện chống quá tải lưới điện trung áp 35kV trở xuống và các dự án đầu tư xây dựng cấp thiết khác. Yêu cầu cấp điện cho các khu vực kinh tế trọng điểm của Tỉnh đòi hỏi rất bức thiết và cần có nguồn vốn đầu tư lớn. Công ty tiếp tục vay tín dụng để thực hiện các dự án xây dựng.

- Nhu cầu về đào tạo đội ngũ CBQL các cấp và nghiệp vụ chuyên môn cho CBCNV có yêu cầu bức thiết, cần có sự quan tâm đầu tư thích đáng. Tổ chức và triển khai thực hiện chiến lược kinh doanh của Công ty cho giai đoạn tiếp đến là hết sức cần thiết.

##### b. Kế hoạch sản xuất kinh doanh:

Căn cứ vào kết quả thực hiện năm 2010, dự báo tình hình năm 2011, Công ty xây dựng một số chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh theo 02 phương án như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2011
1	Vốn điều lệ	Đồng	415.512.960.000
2	Tổng sản lượng điện	Triệu kWh	1.206,19
3	Tỷ lệ điện tổn thất	%	6,6
4	Sản lượng điện thương phẩm	Triệu kWh	1.126,58
5	Giá bán bình quân (*)	Đồng/kWh	1.280
6	Doanh thu SXĐ	Tỷ đồng	1.442,028
7	Chi phí SXĐ	Tỷ đồng	1.408,828
8	Lợi nhuận sản xuất điện (**)	Tỷ đồng	33,200

9	Lợi nhuận sản xuất khác	Tỷ đồng	32,000
10	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	65,200

**Ghi chú:** (\*) giá bán điện bình quân của năm 2011 dự kiến tăng cao so với năm 2010 do có sự tăng giá bán điện đầu tháng 3/2011 của Chính phủ

(\*\*) Công ty xây dựng kế hoạch lợi nhuận sản xuất điện dựa trên giá mua điện của EVN CPC tính trên cơ sở lợi nhuận sản xuất điện trước thuế trên vốn điều lệ là 8%.

**c. Danh mục các hạng mục đầu tư, góp vốn đầu tư vào các công ty khác và kế hoạch đầu tư dài hạn năm 2011:**

**✓ Vốn đầu tư xây dựng:**

Công ty xác định tổng nhu cầu vốn đầu tư năm 2011: 138,28 tỷ đồng.

Trong đó:

- Các dự án đầu tư xây dựng chuyển tiếp từ năm 2010 sang: 73,693 tỷ đồng.
    - + Đầu tư xây dựng TBA 110kV Ninh Thủy và nhánh rẽ: 38,110 tỷ đồng.
    - + Đầu tư cải tạo lưới điện nông thôn, miền núi hải đảo (phủ lơm): 32,191 tỷ đồng.
    - + Xây dựng đường dây 22kV Bán đảo Cam Ranh ra đường Cam Hải Đông – Tây: 3,392 tỷ đồng.
  - Các dự án khởi công mới : 57,319 tỷ đồng.
    - + Hoàn thiện, chống quá tải hệ thống lưới điện trung, hạ áp: 31,713 tỷ đồng.
    - + Cải tạo xuất tuyến 873 E Vạn Giã cấp điện cho khu kinh tế Vân Phong: 3 tỷ đồng
    - + Xây dựng đường dây 22kV Bình Tân - An Viên: 9,798 tỷ đồng.
    - + Xây dựng TBA để nhận điện từ Nhà máy Đường Ninh Hòa: 0,5 tỷ đồng.
    - + Xây dựng nhà làm việc của XNXLCN, XN LĐ 110kV và Tổng kho vật tư: 5,808 tỷ đồng.
    - + Xây dựng hạ tầng mạng viễn thông và CNTT: 4 tỷ đồng.
    - + Xây dựng nhà làm việc Điện lực Cam Lâm: 2,5 tỷ đồng.
  - Các dự án chuẩn bị đầu tư cho năm 2012: 2,5 tỷ đồng.
    - + Khảo sát, lập dự án đầu tư TBA 110kV Vân Phong và nhánh rẽ: 1 tỷ đồng.
    - + Khảo sát, lập báo cáo KTKT đầu nối đường dây 110kV Đa Nhim-Cam Ranh vào TBA 220kV Tháp Chàm: 0,5 tỷ đồng.
    - + Cải tạo nâng cấp F9 thành TBA 110kV Cam Ranh: 0,5 tỷ đồng
    - + Xây dựng lưới điện 22kV khu du lịch Bãi Dài giai đoạn 1: 0,5 tỷ đồng.
  - Mua sắm tài sản cố định: 4,767 tỷ đồng.
- ✓ Kế hoạch sửa chữa lớn:** Tổng cộng: 26,082 tỷ đồng.
- Đợt 1 : 10,364 tỷ đồng
    - + Nguồn điện : 0,03 tỷ đồng

- + Lưới điện – viễn thông : 10,199 tỷ đồng
- + Công trình phục vụ sản xuất: 0,135 tỷ đồng
- Đợt 2 : 15,718 tỷ đồng
  - + Lưới điện – viễn thông : 15,063 tỷ đồng
  - + Công trình phục vụ sản xuất: 0,655 tỷ đồng
- ✓ Góp vốn vào các Công ty khác:

Công ty dự kiến kế hoạch góp vốn vào các công ty liên doanh liên kết trong năm 2011 bao gồm:

- Công ty Cổ phần Thiết bị điện VinaSino: góp 1,155 tỷ đồng.
- Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3: 4 tỷ đồng.

✓ **Kế hoạch đầu tư dài hạn:**

Trong năm 2011, Công ty tiếp tục triển khai các bước chuẩn bị cho dự án đầu tư cụm khách sạn và chung cư cao cấp tại khu đất nhà máy điện Chutt – số 28 Trần Phú – Phường Vĩnh Nguyên – TP Nha Trang.

**d. Chỉ tiêu tài chính:**

Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2011, Công ty xây dựng một số chỉ tiêu tài chính cơ bản như sau:

STT	Danh mục	ĐVT	Kế hoạch 2011
1	Vốn điều lệ	Tỷ Đồng	415,513
1.1	Lợi nhuận sản xuất điện	Tỷ Đồng	33,200
1.2	Lợi nhuận sản xuất khác	Tỷ Đồng	32,000
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tỷ Đồng	65,200
3	Thuế TNDN 25%	Tỷ Đồng	16,300
3.1	Phải nộp	Tỷ Đồng	9,000
3.2	Được miễn	Tỷ Đồng	7,300
4	Lợi nhuận sau thuế phân phối	Tỷ Đồng	48,900
5	Trích lập các Quỹ (15% LN phân phối)	Tỷ Đồng	7,335
6	Lợi nhuận chia cổ tức (85% LN)	Tỷ Đồng	41,565
7	Tỷ lệ cổ tức	%	10,00

# BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

## 1. Ý kiến của Ban kiểm soát về tình hình hoạt động của Công ty:

Thực hiện chức năng của Ban kiểm soát quy định tại Luật Doanh Nghiệp nước Cộng Hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam và tại Điều lệ Công ty, BKS được phép xem qua các báo cáo của Ban Tổng Giám đốc điều hành, tham gia trong các cuộc họp Hội đồng quản trị hàng Quý, 06 tháng và cả năm; Kiểm soát báo cáo quyết toán tài chính năm 2010; xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập Công ty TNHH Deloitte Việt Nam đã kiểm toán tài chính năm 2010; Kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2010. Ban kiểm soát nhận xét về hoạt động SXKD của Công ty trong 2010 như sau:

### a. Nhận xét về các chỉ tiêu tài chính.

#### - **Bố trí cơ cấu tài sản:**

- + Tài sản cố định / Tổng tài sản : 46,15%
- + Tài sản lưu động / Tổng tài sản : 46,36%
- + Hàng tồn kho / Tổng tài sản : 7,2% (năm 2008: 4,7% năm 2009:4,9%)

Tỷ lệ tài sản cố định chiếm 46,15%, tài sản lưu động chiếm 46,36%. Tỷ lệ này cho thấy công ty đã bố trí cơ cấu tài sản hợp lý so với Tổng tài sản. Đặc biệt giá trị hàng tồn kho năm 2010 chiếm tỷ lệ 7,2%. Tỷ lệ giá trị hàng tồn kho tăng cao hơn so với năm 2009 là do công ty dự trữ hàng hóa, vật tư, vật liệu... cho các công trình đang thi công dở dang, tuy nhiên, tỷ lệ hàng tồn kho này chiếm chưa đến 10% so với Tổng tài sản của công ty, tỷ lệ hàng tồn kho của Công ty như vậy là hợp lý.

#### - **Bố trí cơ cấu nguồn vốn:**

- + Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn : 53,4%
- + Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn : 46,64%

#### - **Tỷ suất sinh lời:**

- + Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần : 7,36 %
- + Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu: 18,01%
- + Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản : 10,03%

Xét về hiệu quả sản xuất kinh doanh và cũng như hiệu quả sử dụng vốn của Công ty năm 2010 đã mang lại lợi nhuận tương đối hiệu quả. Hệ số lợi nhuận (**ROA-Return on Assets**) trên tất cả các khoản đầu tư, tài sản của Công ty mang lại khả năng sinh lợi cho các cổ đông đạt 10,03% và hệ số lợi nhuận trên vốn cổ phần (**ROE-Return on Equity**) cao gần bằng năm 2009 là 18,01% (năm 2009 đạt 19,7%). Tỷ lệ nợ phải trả chiếm 53,4% trên tổng nguồn vốn cho thấy Công ty đã thực hiện khá tốt việc sử dụng đòn cân nợ từ việc tranh thủ các nguồn tín dụng khác ngoài hệ thống Ngân hàng. Lãi cơ bản trên một cổ phiếu đạt: 2.344 đồng ( năm 2009: 2.409 đồng)

## **b. Nhận xét về hoạt động kế toán - tài chính:**

- Chế độ áp dụng: Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam, được lập dựa trên các quy định, hướng dẫn hiện hành theo hệ thống kế toán Việt Nam và các chuẩn mực kế toán Việt Nam.

- Việc tính toán, ghi chép các số liệu trong báo cáo phản ánh trung thực, đúng chế độ, nguyên tắc trong phạm vi lập, ghi chép luân chuyển, sử dụng, lưu trữ bảo quản chứng từ đảm bảo tính hợp pháp, hợp lý, hợp lệ. Công tác theo dõi và quản lý các chi phí sản xuất kinh doanh tương đối chặt chẽ. Công tác theo dõi và thanh toán các hợp đồng ký kết mua sắm tài sản cố định và đầu tư trang thiết bị, sửa chữa được hoạch toán theo đúng quy định và dự toán được phê duyệt.

- Phòng Kế toán hoạt động tốt, đáp ứng yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước về tài chính, yêu cầu về cung cấp thông tin ra công chúng, cũng như yêu cầu cung cấp thông tin số liệu cho Ban kiểm soát của Công ty.

- Các số liệu kế toán được hạch toán đầy đủ, rõ ràng, phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty. Bảng tổng kết tài sản, kết quả hoạt động SXKD, Bảng lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Deloitte Việt Nam, là đơn vị kiểm toán có uy tín, đã được Bộ Tài Chính công nhận và đã thực hiện kiểm toán từ ngày 01/03/2011 đến ngày 12/03/2011.

## **c. Tình hình thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, các quyết định của HĐQT và công tác điều hành hoạt động SXKD của Ban Tổng giám đốc Công ty:**

- Sự phục hồi nhanh chóng của nền kinh tế VN trong năm 2010 đã tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Áp lực nâng cao năng lực cung cấp nhu cầu về điện để phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn Tỉnh Khánh Hòa trong giai đoạn thiếu nguồn điện là một vấn đề nan giải đối với Công ty. Tuy nhiên, Công ty đã vượt qua được những khó khăn, đạt được kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả, ổn định. Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch lợi nhuận mà Đại hội đồng cổ đông giao.

- HĐQT và Ban Tổng Giám đốc đã tập trung phát huy nội lực, chuyển mạnh phân cấp về các đơn vị trực thuộc, nâng cao vai trò, trách nhiệm của giám đốc các đơn vị. Đồng thời Công ty cũng đã giao khoán chi phí một cách sát sao, xây dựng các cơ chế tài chính hợp lý kích thích các đơn vị chủ động tìm kiếm các công trình thi công nhằm tăng lợi nhuận cho Công ty và tăng thêm thu nhập cho CBCNV đơn vị. Công ty cũng đã khai thác tối đa các nguồn thu để đầu tư tài chính. Trong công tác đầu tư xây dựng Công ty không chỉ xem xét cân nhắc về mặt kỹ thuật mà còn tính toán hiệu quả tài chính một cách hợp lý nhất.

- Trong năm 2010, Công ty đã thực hiện nghiêm túc công tác đấu thầu đối với mua sắm vật tư thiết bị do đó ngoài việc đảm bảo chất lượng vật tư thiết bị cho công trình điện, công ty đã làm lợi đáng kể do chênh lệch giá.

- Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2009 về việc chào bán cổ phiếu ra công chúng để chi trả cho tài sản lưới điện 110KV. HĐQT Công ty đã tổ chức bán 20.661.228 cổ phiếu, tổng số tiền thu về là : 206.064.649.300 đồng. Ngày 08/03/2010, toàn bộ số cổ phiếu phát hành thêm đã được niêm yết chính thức giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán TP.HCM và vốn điều lệ mới của Công ty ngày 17/05/2010 là :

415.512.960.000 đồng, trong đó Nhà nước chiếm 51,53% VĐL (tương đương 214.114.270.000 đồng).

- Số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng này đã được Công ty chi trả một phần tài sản lưới điện 110kV Khánh Hòa. Tính đến thời điểm ngày 31/12/2010, Công ty đã thực hiện việc chi trả một phần tiền vay mua tài sản lưới điện 110kV Khánh Hòa cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam với số tiền là: 134.184.972.693 đồng.

- Số tiền huy động còn lại là 72.427.307.307 đồng được dùng để trả nợ tiền mua tài sản 110kV Khánh Hòa theo tiến độ hợp đồng vay giữa Công ty và Tập đoàn Điện lực Việt Nam

- Ngày 29/10/2010, Công ty đã thực hiện việc chốt danh sách cổ đông để tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2010 với tỷ lệ 5% trên VĐL. Số tiền chi tạm ứng cổ tức đợt 1/2010 : 20.775.648.000 đồng.

• **Nhận xét chung của Ban kiểm soát:**

HĐQT và Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện nhiệm vụ điều hành công ty một cách trung thực, trách nhiệm, cẩn trọng, theo đúng Pháp luật, Điều lệ tổ chức hoạt động của công ty và theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra. Các công việc cần triển khai theo Nghị Quyết của HĐQT đều được Ban Tổng Giám đốc thực hiện đầy đủ, đúng thủ tục theo đúng quy định của pháp luật. Qua kiểm tra, Ban kiểm soát có thể đánh giá như sau :

- Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu trong kế hoạch kinh doanh năm 2010 đã được ĐHCĐ thông qua đều được thực hiện vượt mức kế hoạch đề ra.

- Các tiêu chuẩn định mức kinh tế kỹ thuật, chất lượng sản phẩm, lao động tiền lương; khung giá vật tư, thiết bị, sản phẩm và dịch vụ trong công ty đều thực hiện theo đúng các quy định của Công ty đã được HĐQT phê duyệt.

- Việc ký kết các hợp đồng kinh tế giữa Công ty với các tổ chức và cá nhân bên ngoài như mua vật tư, thiết bị phục vụ cho SXKD đúng theo quy định của Nhà nước, tất cả hợp đồng mua các thiết bị, vật tư có giá trị lớn đều có sự chào giá cạnh tranh. Các hợp đồng về thuê thiết bị, đóng cắt điện...mà Công ty là Bên bán đều được cập nhật sổ sách đầy đủ, đơn giá theo đúng các quy định hiện hành.

- Triển khai thực hiện công tác đầu tư xây dựng theo đúng các hạng mục công trình đã được HĐQT phê duyệt.

Ø **Thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động trong Công ty :**

- Việc thực hiện các chế độ, chính sách đối với người lao động và quyền lợi của CBCNV được thực hiện đúng Luật lao động, điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

- Công ty đã thực hiện mua BHXH, BHYT đầy đủ, đúng hạn cho người lao động. Thu nhập bình quân của CBCNV-Lao động là: 6.200.000 đồng/tháng. Công ty đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể CBCNV để có biện pháp theo dõi, sắp xếp lực lượng lao động trong Công ty phù hợp với sức khỏe của người lao động.

- Công ty đã mua BHXH-BHYT và bảo hiểm thất nghiệp đầy đủ cho người lao động, tiền BHXH-BHYT và bảo hiểm thất nghiệp Công ty đã nộp kịp thời đúng quy định của BHXH, tổng số tiền BHXH-BHYT và bảo hiểm thất nghiệp Công ty đã nộp của năm 2010 là: 8.071.830.315 đồng (số liệu đã có xác nhận của cơ quan BHXH Tỉnh).



- Các tổ chức chính trị xã hội như bộ máy hoạt động công tác Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên được Công ty quan tâm tạo điều kiện về thời gian, kinh phí để hoạt động, các chế độ thi đua khen thưởng, tham quan du lịch phong trào văn hóa thể thao luôn được duy trì. Năm qua, Công ty đã phối hợp với Công đoàn tổ chức 03 Đoàn tham quan học tập nước ngoài cho CBCNV Công ty.

#### **d. Việc giải quyết các ý kiến của cổ đông gửi đến Ban kiểm soát góp ý về điều hành hoạt động của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc:**

Một trong những nhiệm vụ của Ban kiểm soát là thực hiện kiểm tra từng vấn đề có liên quan đến Quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi cổ đông yêu cầu. Tuy nhiên, trong năm 2010 Ban kiểm soát không nhận được khiếu nại nào của cổ đông về hoạt động kinh doanh của Công ty, về việc điều hành của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc. Chúng tôi đánh giá rằng, ở mức độ nhất định hoạt động của Công ty thông qua những người điều hành và kết quả SXKD năm 2010 đạt được sự tin tưởng cao của cổ đông. Việc chấp hành giao dịch cổ phiếu niêm yết trên sàn giao dịch của những người có liên quan đến HĐQT, BKS, Ban TGD và Kế toán trưởng đều được thực hiện một cách nghiêm túc, không có vi phạm.

#### **2. Một số kiến nghị về hoạt động điều hành, quản lý Công ty:**

- Tuy điện năng là lĩnh vực hoạt động chính của Công ty, nhưng hoạt động này còn phụ thuộc nhiều yếu tố như giá mua điện, giá bán điện. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cần tiếp tục nghiên cứu xây dựng chiến lược kinh doanh mở hướng hoạt động khác vào các lĩnh vực dịch vụ tiện ích khác nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng.

- Cần tiếp tục phát huy lợi thế, đẩy mạnh việc quảng bá xây dựng thương hiệu, khai thác có hiệu quả các vị trí địa lý, mặt bằng mà Công ty đang quản lý.

- Xây dựng kế hoạch đào tạo mới, đào tạo lại đội ngũ nhân viên, nhân sự chủ chốt, chuyên biến ý thức người lao động tận tâm và có trách nhiệm trong công việc, đào tạo nhân viên mang tính chuyên nghiệp hóa, nâng cao năng lực cạnh tranh. HĐQT và Ban Tổng Giám đốc cần có chính sách đãi ngộ hợp lý để thu hút thêm những nhân sự có chuyên môn cao, giữ được người giỏi và có chương trình đào tạo các ngành nghề phù hợp đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh doanh đa ngành nghề của Công ty.

- Về công tác tài chính :

+ Có biện pháp để giảm nguồn vật tư hàng tồn kho, đảm bảo cho hoạt động kinh doanh và tăng vòng quay của vốn lưu động và tăng vòng quay hàng tồn kho.

+ Cần nghiên cứu xây dựng những cơ chế tài chính làm đòn bẩy kích thích các đơn vị khai thác tối đa các tiềm năng trong lĩnh vực dịch vụ điện mà hiện nay vẫn là lợi thế của Công ty.

#### **3. Ban kiểm soát tự đánh giá công việc trong năm 2010:**

Được sự ủng hộ của các cổ đông, HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, các phòng ban và toàn thể CBCNV của Công ty, Ban kiểm soát đã hoàn thành nhiệm vụ của mình theo chức năng, nhiệm vụ được ghi trong Điều lệ hoạt động của Công ty.

## CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

### 1. Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần của tổ chức niêm yết:

Căn cứ theo quyết định số 739/QĐ-BCT ngày 05/02/2010 của Bộ Công thương về việc thành lập Công ty mẹ - Tổng Công ty Điện lực Miền Trung. Theo quyết định này, quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước của Tập đoàn Điện lực Việt Nam tại Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa sẽ chuyển về Tổng Công ty Điện lực Miền Trung kể từ ngày 01/4/2010. Như vậy, Tổng Công ty Điện lực Miền Trung (EVN CPC) là Công ty nắm giữ 51,53 % vốn điều lệ Công ty.

### 2. Công ty có trên 50% vốn cổ phần do tổ chức niêm yết nắm giữ: SCC

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Chò (SCC) là công ty con của Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa (KHPC) kể từ đầu năm 2010 sau khi KHPC đồng ý nhận chuyển nhượng phần góp vốn của cổ đông sáng lập là Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 9 với số cổ phần là 475.000 cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần), nâng tỷ lệ phần vốn góp của Công ty từ 45% lên 58,875% vốn điều lệ của SCC. Hiện tại, vốn điều lệ của SCC là 40 tỷ đồng. Trong năm 2010, đã góp vốn 3 tỷ đồng, nâng tổng số vốn góp vào công ty này là 8,06 tỷ đồng.

Trong năm 2010, SCC tiếp tục tổ chức thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư dự án Thủy điện Sông Chò 2 và xúc tiến cơ hội đầu tư dự án Thủy điện Sông Chò 1. Đến nay, dự án thủy điện Sông Chò 2 đã cơ bản đủ điều kiện khởi công xây dựng, dự án thủy điện Sông Chò 1 được thực hiện theo tiến độ của dự án Hồ chứa nước Sông Chò 1 (do là hợp phần của dự án này).

Hiện tại, dự án Thủy điện Sông Chò 2 đã được Ngân hàng phát triển Việt Nam – Chi nhánh Ngân hàng phát triển Khánh Hòa (VDB) tiếp nhận hồ sơ để thẩm định cho vay theo nguồn vốn ODA. Tuy nhiên, do các cổ đông sáng lập chưa góp đủ vốn điều lệ theo cam kết nên thiếu vốn đối ứng, Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Chò đang tiếp tục mời các cổ đông chiến lược khác tham gia.

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Chò đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư xây dựng dự án Thủy điện Sông Chò 2 nên lợi nhuận chưa có.

### 3. Tình hình đầu tư vào các Công ty có liên quan:

Trong năm 2010, Công ty không thực hiện đầu tư góp vốn vào các công ty liên doanh liên kết mới. Công ty chỉ thực hiện tiếp tục đầu tư góp vốn theo như cam kết vào các công ty thuộc lĩnh vực sản xuất kinh doanh điện, bất động sản sau khi đã phân tích kỹ hiệu quả đầu tư cũng như cân đối nguồn vốn của Công ty. Tiếp tục góp vốn vào các Công ty như:

- Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Vinasino: góp vốn 1,7325 tỷ đồng, nâng tổng số vốn góp vào công ty này là 4,62 tỷ đồng.
- Công ty Cổ phần BĐS EVNLand Nha Trang: góp vốn 5,4225 tỷ đồng, nâng tổng số vốn góp vào công ty này là 16,2675 tỷ đồng.
- Công ty Đầu tư Điện lực 3: góp vốn 1 tỷ đồng, nâng tổng số vốn góp vào công ty này là 4 tỷ đồng.

Đối với các Công ty khác, Công ty không tiếp tục tham gia góp vốn như: Công ty Cổ phần BĐS EVN Land Central.

#### **4. Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty liên quan:**

Trong năm 2010, bước đầu một số Công ty liên kết đã hoạt động kinh doanh hiệu quả và bước đầu đã đem lại lợi nhuận cho Công ty như:

- Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm ĐLKH: 751,75 triệu đồng.
  - + Chi trả cổ tức đợt 2 năm 2009 với số tiền 379,75 triệu đồng.
  - + Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2010 với số tiền 372 triệu đồng (cổ tức đợt 1: 8%)
- Công ty Cổ phần BĐS EVN Land Sài Gòn: chi trả cổ tức đợt 2 năm 2009 với số tiền 825 triệu đồng (cổ tức 3%).
- Hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Phát hành sách Fahasa: lợi nhuận đem lại được 1,2 tỷ đồng.

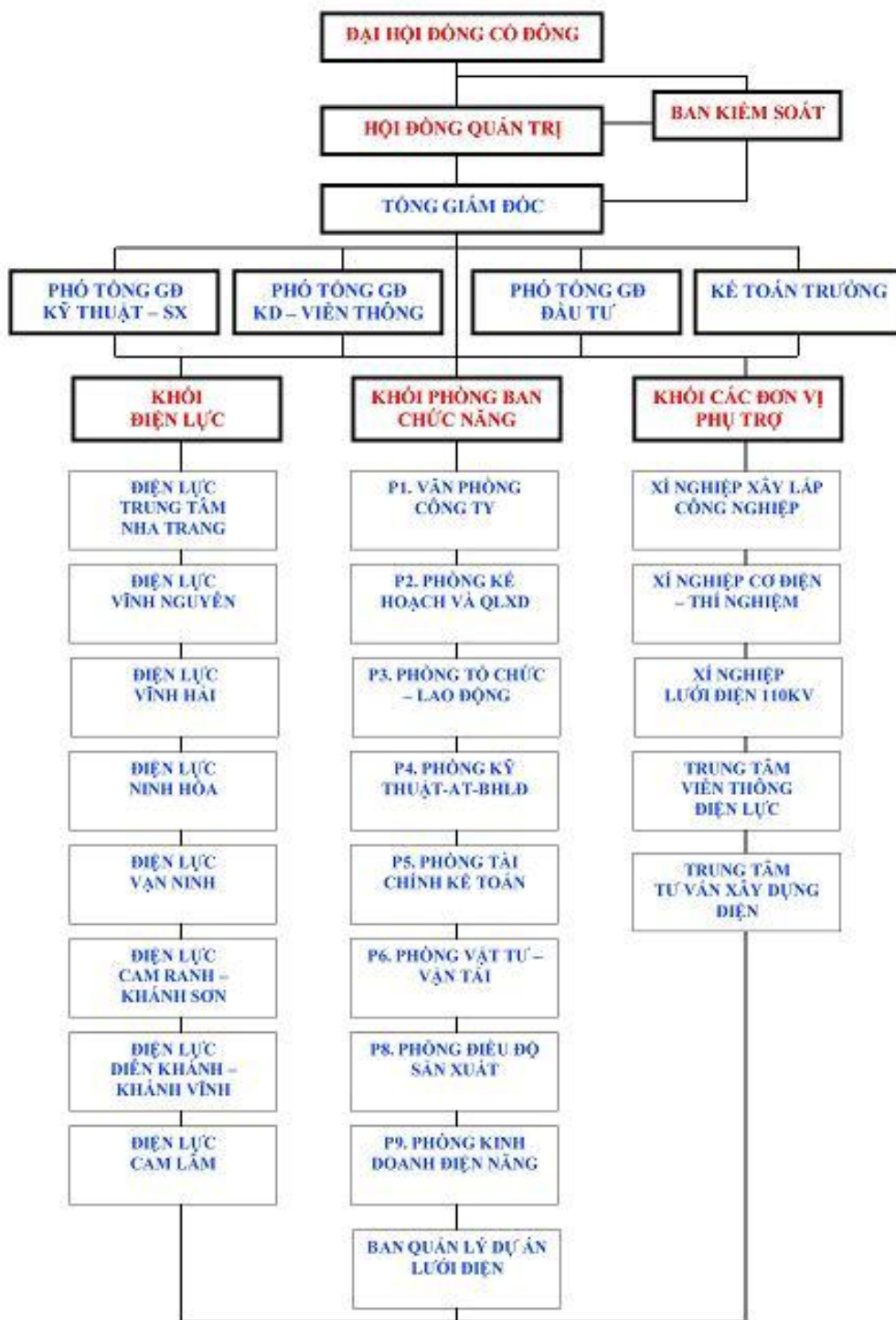
Các công ty còn lại hiện đang trong giai đoạn đầu tư góp vốn và xây dựng dự án nên chưa có kết quả kinh doanh. Riêng đối với cổ phiếu của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hà Thành, năm 2010 Công ty tiếp tục trích lập thêm dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn với số tiền là 3,75 tỷ đồng, nâng tổng trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn cho cổ phiếu công ty này lên 15 tỷ đồng.

# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

## 1. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm :

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị
- Ban Kiểm soát
- Tổng Giám đốc điều hành, 03 Phó Tổng Giám đốc, 08 điện lực trực thuộc, 08 phòng ban chức năng, 03 xí nghiệp, 01 Trung tâm Tư vấn xây dựng điện và 01 Trung tâm viên thông điện lực.



## 2. Hội đồng Quản trị:



### **CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Ông Trần Đình Nhân

Năm sinh: 10/12/1963

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ QTKD - Kỹ sư điện



### **THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Ông Nguyễn Thanh Lâm

Ngày tháng năm sinh: 21/9/1961

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ ngành mạng và hệ thống điện



### **THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Ông Bùi Quang Hùng

Năm sinh: 25/8/1955

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ QTKD ĐH Griggs Hoa Kỳ - Kỹ sư ngành thiết bị điện



### **THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Ông Nguyễn Thanh Bình

Năm sinh: 15/6/1955

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế công nghiệp



### **THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Ông Lê Hoàng Anh

Năm sinh: 29/4/1968

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ kinh tế

### 3. Ban Tổng Giám đốc :



#### **TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ông Nguyễn Thanh Lâm

Ngày tháng năm sinh: 21/9/1961

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ ngành mạng và hệ thống điện



#### **PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ông Nguyễn Kim Hoàng

Ngày tháng năm sinh: 15/4/1960

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Hệ thống Điện



#### **PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ông Trần Đăng Hiền

Ngày tháng năm sinh: 30/8/1964

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế ngành Quản trị kinh doanh – Kỹ sư điện



#### **PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ông Nguyễn Cao Ký

Ngày tháng năm sinh: 20/3/1966

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư ngành hệ thống điện

#### 4. Ban kiểm soát:



##### **TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**

Ông Tô Hiếu Thuận

Ngày tháng năm sinh: 13/8/1971

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ MBA – QTKD  
Trưởng Lincoln University - USA

##### **THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

Ông Hồ Thăng Thu

Ngày tháng năm sinh: 10/09/1968

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh



##### **THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

Ông Nguyễn Thành Cử

Ngày tháng năm sinh: 14/08/1949

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế



#### 5. Kế toán trưởng:



##### **KẾ TOÁN TRƯỞNG**

Bà Trần Thị Triều Linh

Ngày tháng năm sinh: 23/10/1967

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính kế toán

## 6. Thay đổi Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát Công ty trong năm :

### a. Thay đổi thành viên HĐQT và Ban kiểm soát Công ty:

Năm 2010 là năm kết thúc nhiệm kỳ I (2005 – 2010) của HĐQT và Ban kiểm soát Công ty. Tại kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2010 tổ chức ngày 28/04/2010, Đại hội đã biểu quyết và thông qua thành viên HĐQT và Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ II (2010 – 2015). Đồng thời HĐQT và Ban kiểm soát đã tổ chức phiên họp đầu tiên để bầu Chủ tịch HĐQT và Ban kiểm soát. Danh sách các thành viên HĐQT và Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới như sau:

#### Hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bùi Quang Hùng	Chủ tịch HĐQT chuyên trách
2	Trần Đình Nhân	Thành viên
3	Nguyễn Thanh Lâm	Thành viên
4	Nguyễn Thanh Bình	Thành viên
5	Lê Hoàng Anh	Thành viên

#### Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Tô Hiếu Thuận	Trưởng ban
2	Hồ Thăng Thu	Thành viên
3	Nguyễn Thành Cử	Thành viên

### b. Thay đổi Chủ tịch HĐQT và từ nhiệm thành viên HĐQT Công ty:

#### • Thay đổi Chủ tịch HĐQT Công ty:

Căn cứ theo đơn xin thôi nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT chuyên trách của ông Bùi Quang Hùng.

Căn cứ theo quyết định số 388/QĐ-EVN ngày 18/6/2010 của Chủ tịch HĐQT Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc thay đổi người đại diện phần vốn của Tập đoàn Điện lực Việt Nam tại Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng điện lực Việt Nam (EVNIC): đồng ý để ông Bùi Quang Hùng thôi chức vụ Chủ tịch HĐQT chuyên trách Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa và cử ông Bùi Quang Hùng là người đại diện phần vốn Nhà nước của Tập đoàn, ứng cử Chủ tịch HĐQT chuyên trách tại EVNIC thay thế ông Nguyễn Mạnh Hùng, Trưởng Ban Tổ chức và Nhân sự Tập đoàn.

Căn cứ theo công văn số 2070/ECV CPC-TC&NS ngày 01/07/2010 của Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Tổng Công ty Điện lực Miền Trung về việc thay đổi Người đại diện phần vốn Nhà nước. Ông Trần Đình Nhân – Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc EVN CPC làm người đại diện phần vốn của Nhà nước do ông Bùi Quang Hùng chuyển sang tại Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa. Như vậy, ông Trần Đình Nhân sẽ là người đại diện phần vốn của Nhà nước với tỷ lệ 31,53% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa kể từ ngày 01/7/2010.



Vì lý do chuyên công tác khác nên ông Bùi Quang Hùng thôi không là người đại diện phần vốn của Nhà nước tại Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa kể từ ngày 01/07/2010.

HDQT Công ty đã thống nhất đồng ý để ông Bùi Quang Hùng thôi giữ chức vụ Chủ tịch HDQT chuyên trách tại Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa, chỉ đảm nhận chức vụ thành viên HDQT Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa kể từ ngày 15/07/2010 và thống nhất bầu ông Trần Đình Nhân giữ chức vụ Chủ tịch HDQT Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa thay thế ông Bùi Quang Hùng kể từ ngày 15/7/2010 với số phiếu bầu 5/5.

• **Từ nhiệm thành viên HDQT Công ty:**

Ngày 24/03/2011, HDQT Công ty đã nhận được đơn xin từ nhiệm thành viên HDQT của hai thành viên là ông Lê Hoàng Anh và ông Bùi Quang Hùng kể từ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011.

Như vậy, tại kỳ tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2011 vào ngày 22/04/2011 sẽ bầu bổ sung 02 thành viên HDQT mới nhiệm kỳ 2010 – 2015.

**7. Quyền lợi của Tổng Giám đốc:**

Công ty kính báo cáo tiền lương và các khoản lợi ích khác của Tổng Giám đốc trong năm 2010 như sau:

- Tiền lương: 252.000.000 đồng
  - Thưởng : 62.542.758 đồng
  - Khác : 67.443.107 đồng
- Tổng cộng: **384.985.865** đồng

**8. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:**

**▼ Tình hình lao động:**

§ Tổng số lao động hiện có đến ngày 31/12/2010 : 1.169 người

Trong đó : Lao động theo hợp đồng ngắn hạn : 1 người

Lao động theo hợp đồng dài hạn : 1.168 người

Lao động gián tiếp : 483 người

Lao động trực tiếp : 686 người

Cán bộ quản lý : 106 người.

§ Các Phòng ban và các Điện lực, Trung tâm, Xí nghiệp trực thuộc:

+ Ban Lãnh đạo	:	04 người
+ Phòng Hành Chính	:	09 người
+ Phòng Tổ chức	:	32 người
+ Phòng Tài chính	:	14 người
+ Phòng Kế hoạch & QLXD	:	11 người
+ Phòng Kinh doanh	:	14 người

+ Phòng Kỹ thuật – An toàn-BHLĐ	:	12 người
+ Phòng Vật tư	:	29 người
+ Phòng Điều độ	:	18 người
+ Ban Quản lý Dự án Điện	:	05 người
+ Các Điện lực, Trung tâm và Xí nghiệp SX	:	1.021 người

#### **▼ Chính sách đối với người lao động:**

Đối với người lao động, Công ty còn có nhiều chính sách quan tâm, đãi ngộ thỏa đáng nhằm khuyến khích, động viên người lao động như:

- Hàng năm, người lao động được nghỉ phép theo tiêu chuẩn và được cộng thêm ngày nghỉ thâm niên theo quy định của Bộ Luật lao động.

- Hàng năm, Công ty đều tổ chức khám sức khỏe định kỳ và nghỉ dưỡng cho người lao động. Có thay đổi các nội dung khám sức khỏe chuyên đề hàng năm cho Người lao động.

- Thực hiện đầy đủ việc trích nộp bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp bảo hiểm tai nạn theo quy định cho người lao động, các chế độ khác như bảo hiểm kết hợp con người, trợ cấp thôi việc, ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, khó khăn...

- Công ty đã thực hiện chế độ làm việc 40 giờ/tuần. Thực hiện việc trích bồi dưỡng chế độ ăn ca, bồi dưỡng độc hại cho người lao động.

- Công ty đã xây dựng và áp dụng hiệu quả các chính sách khác như: chính sách tuyển dụng lao động, quy chế sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ tương trợ, quy chế chấm điểm thi đua trong sản xuất kinh doanh điện năng, quy chế hoạt động sản xuất khác ngoài sản xuất kinh doanh điện năng ...

- Công ty luôn bảo đảm việc làm, tiền lương, thu nhập và phúc lợi tập thể cho người lao động trong Công ty. Thu nhập bình quân hàng năm của Người lao động đều tăng, năm sau cao hơn năm trước từ 10 đến 15%.

# THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

## 1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

### a. Thành phần HĐQT: 05 thành viên

STT	Họ và tên	Chức danh	Ghi chú
01	Trần Đình Nhân	Chủ tịch HĐQT	Chủ tịch HĐQT
02	Bùi Quang Hùng	UV HĐQT	Thành viên độc lập không điều hành
03	Nguyễn Thanh Lâm	UV HĐQT	Thành viên kiêm nhiệm
04	Nguyễn Thanh Bình	UV HĐQT	Thành viên kiêm nhiệm
05	Lê Hoàng Anh	UV HĐQT	Thành viên độc lập không điều hành

### Hoạt động của HĐQT Công ty:

Hội đồng quản trị Công ty bao gồm 5 thành viên, trong đó 4/5 thành viên là những cán bộ lãnh đạo, quản lý hoạt động lâu năm trong ngành điện, 1/5 thành viên là tiến sĩ kinh tế hiện đang giữ vai trò giám đốc tại quỹ đầu tư Dragon Capital.

Các thành viên HĐQT có đầy đủ trình độ (01 người là tiến sĩ kinh tế, 3 người trên đại học và 1 người đại học) và kinh nghiệm để đưa ra các quyết định đúng đắn về chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn, dài hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty. Khi thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình, HĐQT luôn tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

### Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành:

Trong HĐQT Công ty hiện có 03 thành viên độc lập không điều hành bao gồm Chủ tịch HĐQT, 01 thành viên là giám đốc quỹ đầu tư Dragon Capital, 01 thành viên hiện đang là Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng điện lực Việt Nam (EVNIP). Vì vậy, hoạt động của các thành viên này đã đóng góp rất nhiều ý kiến, phương hướng cho định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phù hợp với từng thời kỳ nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty.

Trong năm 2010, HĐQT Công ty đã tổ chức 05 phiên họp định kỳ hàng quý với sự tham gia đầy đủ của các thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát Công ty. HĐQT đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định để thực hiện các vấn đề:

- Thực hiện việc chào bán cổ phiếu ra công chúng tăng vốn điều lệ lên 415,513 tỷ đồng để chi trả cho tài sản lưới điện 110kV Khánh Hòa.
- Đã áp dụng các Quy chế Quản trị Công ty, Quy chế làm việc của HĐQT, Quy chế phối hợp hoạt động giữa những Người đại diện phần vốn của EVN, người được EVN cử làm thành viên Ban Kiểm soát tại Công ty với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc Công ty nhằm mục đích tạo sự phối hợp đồng bộ trong hoạt động quản lý điều hành, thực hiện tốt và đúng các chủ trương chính sách của EVN và đảm bảo quyền lợi của cổ đông và người lao động trong Công ty.
- Xây dựng chủ trương về công tác nâng cao năng suất lao động và chất lượng lao động áp dụng trong Công ty để khuyến khích nâng cao năng suất lao động, cải thiện đời sống CBCNV, phát huy ý thức trách nhiệm. Đồng thời phát hiện

những nhân tố tích cực làm nòng cốt cho chiến lược phát triển kinh doanh của Công ty nhằm đem lại tính ổn định lâu dài và bền vững trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Góp phần thực hiện thành công các nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông giao phó.

- Ngoài ra, trong chức năng quyền hạn của mình, HĐQT cũng theo dõi chỉ đạo sâu sát Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện kế hoạch kinh doanh trong năm cũng như cân đối nguồn vốn phục vụ cho việc đầu tư xây dựng có hiệu quả.

**b. Thành phần Ban kiểm soát: 03 thành viên**

STT	Họ và tên	Chức danh	Ghi chú
01	Tô Hiếu Thuận	Trưởng BKS	
02	Hồ Thăng Thu	UV BKS	
03	Nguyễn Thành Cử	UV BKS	

**Hoạt động của Ban kiểm soát Công ty:**

Căn cứ vào kết quả Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2010, Ban kiểm soát đã phối hợp với Phòng tài chính và một số phòng ban chức năng khác thực hiện việc kiểm tra giám sát mọi hoạt động của Công ty bao gồm:

- Giám sát việc thực hiện các chỉ tiêu tài chính hàng tháng, hàng quý, năm.
- Phối hợp với Phòng tài chính giám sát chặt chẽ các khoản chi phí đầu tư, mua sắm tài sản.
- Kiểm tra tình hình quản trị hàng tồn kho.
- Các chế độ chính sách đối với người lao động.
- Các thắc mắc khiếu nại của cổ đông.

**4. Kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị Công ty:**

Năm 2011, HĐQT Công ty đề ra biên pháp tăng cường hiệu quả trong quản trị Công ty.

- Tổ chức triển khai và áp dụng chiến lược kinh doanh của Công ty giai đoạn 2010-2015.
- Tiếp tục điều chỉnh cơ chế phân cấp quản lý phù hợp với năng lực và khả năng của các đơn vị, giao kế hoạch lợi nhuận sản xuất điện cho các Điện lực và kế hoạch lợi nhuận sản xuất kinh doanh khác cho các đơn vị của Công ty. Áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 trong toàn Công ty.
- Tiếp tục xây dựng văn hóa doanh nghiệp của Công ty theo định hướng và các hướng dẫn xây dựng văn hóa của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Tổng Công ty Điện lực Miền Trung.
- Tiếp tục xây dựng, sửa đổi, bổ sung hệ thống quy chế, quy định quản trị Công ty để nâng cao năng lực quản trị Công ty
- Thành lập Ban chỉ đạo xây dựng Quy chế thực hiện dân chủ trong Công ty nhằm Tạo điều kiện để người lao động được biết, được tham gia ý kiến, được quyết định và giám sát những vấn đề có liên quan đến quyền, lợi ích, nghĩa vụ và trách nhiệm của người lao động. Nâng cao trách nhiệm, nghĩa vụ của Lãnh

đạo Công ty đối với người lao động; tạo điều kiện và nâng cao vai trò để các tổ chức đoàn thể trong Công ty hoạt động theo quy định của pháp luật trong việc thực hiện quyền dân chủ cho người lao động. Qua đó, thiết lập mối quan hệ lao động hài hoà, ổn định, góp phần ngăn ngừa và hạn chế tranh chấp lao động trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Thực hiện việc sửa đổi, ban hành các quy định, quy chế quản lý nội bộ Công ty phù hợp với cơ cấu tổ chức, phân cấp quản lý và sự phối hợp giữa các đơn vị trong Công ty; thành lập và nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Kiểm soát nội bộ Công ty

#### **5. Số lượng thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty:**

- Ông Trần Đình Nhân – Chủ tịch HĐQT Công ty đã có các chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty như:

+ Quản lý dự án, Quản lý đấu thầu;

+ Quản lý nguồn nhân lực;

+ Xây dựng và phát triển thương hiệu doanh nghiệp;

+ Chứng chỉ về kế toán và kinh doanh do Công ty British Petroleum và Đại học Đà Nẵng cấp.

- Ông Bùi Quang Hùng – thành viên HĐQT đã có các chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty như:

+ Giám đốc điều hành CEO.

+ Chương trình đào tạo “ Cán bộ lãnh đạo Tập đoàn Điện lực Việt Nam”.

+ Xây dựng và phát triển thương hiệu cho cán bộ quản lý, lãnh đạo Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

- Ông Nguyễn Thanh Lâm – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc đã có các chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty như:

+ Giám đốc điều hành CEO.

+ Kỹ năng điều hành doanh nghiệp.

Công ty sẽ tiếp tục thực hiện việc tham gia các lớp đào tạo để cán bộ quản lý điều hành Công ty có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty trong năm 2011.

#### **6. Tiền lương Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT và Ban kiểm soát Công ty:**

Căn cứ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010, Công ty đã trả thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát trong năm 2010 như sau:

- Lương Chủ tịch HĐQT chuyên trách: 25.000.000 đồng/tháng.

- Thù lao thành viên HĐQT: 4.000.000 đồng/tháng/người

- Thù lao Trưởng Ban kiểm soát: 4.000.000 đồng/tháng.

- Thù lao thành viên ban kiểm soát: 3.000.000 đồng/tháng/người

- Thù lao Chủ tịch HĐQT không chuyên trách: 5.000.000 đồng/tháng

Ngày 15/07/2010, HĐQT thống nhất tạm xác định mức thù lao Chủ tịch HĐQT không chuyên trách là 5.000.000 đồng và sẽ trình ĐHĐCĐ thường niên 2011 thông qua.

*Đvt: đồng*

Họ Và Tên	Chức danh	Năm 2010	Ghi chú
<b>Hội đồng quản trị</b>		<b>382.000.000</b>	
Bùi Quang Hùng	Ủy viên HĐQT	184.500.000	Thôi Chủ tịch HĐQT chuyên trách từ ngày 15/07/2010
Trần Đình Nhân	Chủ tịch HĐQT	37.500.000	Chủ tịch HĐQT từ ngày 15/07/2010
Đào Thanh Hoài	Ủy viên HĐQT	16.000.000	Thôi thành viên HĐQT từ ngày 28/04/2010
Nguyễn Thanh Bình	Ủy viên HĐQT	48.000.000	
Nguyễn Thanh Lâm	Ủy viên HĐQT	48.000.000	
Lê Hoàng Anh	Ủy viên HĐQT	48.000.000	
<b>Ban kiểm soát</b>		<b>120.000.000</b>	
Tô Hiếu Thuận	Trưởng BKS	48.000.000	
Lục Xuân Thoi	Ủy viên BKS	12.000.000	Thôi thành viên BKS từ ngày 28/04/2010
Nguyễn Thị Tuyết Hồng	Ủy viên BKS	12.000.000	Thôi thành viên BKS từ ngày 28/04/2010
Hồ Thăng Thu	Ủy viên BKS	24.000.000	Thành viên BKS từ ngày 28/04/2010
Nguyễn Thành Cử	Ủy viên BKS	24.000.000	Thành viên BKS từ ngày 28/04/2010
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>502.000.000</b>	

**7. Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của các thành viên HĐQT:** Đến thời điểm chốt danh sách ngày 04/03/2011.

- **Thành viên HĐQT:**

STT	Họ và tên	Số CP sở hữu đầu năm				Số CP sở hữu cuối năm			
		Cá nhân	Đại diện	Tổng	Tỷ lệ	Cá nhân	Đại diện	Tổng	Tỷ lệ
1	Trần Đình Nhân	-	-	-	-	-	13.101.167	13.101.167	31,53%
2	Nguyễn Thanh Lâm	20.824	-	20.824	0,10%	41.648	4.155.130	4.196.778	10,10%
3	Nguyễn Thanh Bình	15.360	3.134.082	3.149.442	15,08%	30.720	4.155.130	4.185.850	10,07%
4	Bùi Quang Hùng	25.599	4.386.914	4.412.513	21,12%	51.198	-	51.198	0,12%
5	Lê Hoàng Anh	-	-	-	0,00%	-	-	-	0,00%

- **Ban kiểm soát:**

STT	Thành viên HĐQT	Số CP sở hữu đầu năm		Số CP sở hữu cuối năm	
		Cá nhân	Tỷ lệ	Cá nhân	Tỷ lệ
1	Tô Hiếu Thuận	1.200	0,01%	2.400	0,01%
2	Hồ Thăng Thu	-	0,00%	-	0,00%
3	Nguyễn Thành Cử	26.508	0,13%	53.016	0,13%

**Ghi chú:** Số cổ phần sở hữu cuối năm 2010 của các thành viên HĐQT và Ban kiểm soát có thay đổi so với đầu năm do đầu tháng 03/2010 Công ty đã thực hiện xong việc chào bán cổ phiếu ra công chúng tăng vốn điều lệ.

Trong năm 2010 các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc Công ty và những người có liên quan không có bất kỳ một giao dịch mua/bán cổ phiếu của Công ty, không có bất cứ một giao dịch nào liên quan đến quyền lợi của họ với Công ty, như: mua bán mua bán nguyên liệu, vật tư, và các giao dịch khác.

**8. Các dữ liệu thống kê về cổ đông:** Đến thời điểm ngày 04/03/2011

**a. Cổ đông Nhà nước:**

Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa có cổ đông Nhà nước là Tổng Công ty Điện lực Miền Trung 51,53% vốn điều lệ Công ty.

STT	Tên	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ
1	Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	393 Trưng Nữ Vương – Đà Nẵng	21.411.427	51,53%

**b. Cổ đông lớn:**

STT	Tên	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ
1	Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	393 Trưng Nữ Vương – Đà Nẵng	21.411.427	51,53%

**c. Cổ đông sáng lập:**

STT	Tên	Năm sinh	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ
1	Tổng Công ty Điện lực Miền Trung		393 Trưng Nữ Vương – Đà Nẵng	21.411.427	51,53%
2	Bùi Quang Hùng	1955	53A Yersin – Nha Trang – Khánh Hòa	51.198	0,12%
3	Cao Thành Đức	1949	55 Cao Bá Quát – Nha Trang – Khánh Hòa	45.006	0,13%
4	Cao Thụy		9A Lê Thánh Tôn – Nha Trang – Khánh Hòa	5.662	0,017%

**Ghi chú:** Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 30/6/2005, vì vậy tính đến thời điểm hiện tại, mọi điều kiện chuyển nhượng áp dụng đối với cổ đông sáng lập không còn hiệu lực.

**d. Cơ cấu cổ đông:** tại thời điểm ngày 04/03/2011:

DANH MỤC	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng cộng	
	Cổ phần sở hữu	Tỷ lệ	Cổ phần sở hữu	Tỷ lệ	Cổ phần sở hữu	Tỷ lệ
<b>Cổ đông cá nhân</b>	<b>18.883.536</b>	<b>45,44%</b>	<b>397.142</b>	<b>0,96%</b>	<b>19.280.678</b>	<b>46,40%</b>
Từ 5% trở lên	-	0,00%	-	0,00%	-	0,00%
Dưới 5%	18.883.536	45,44%	397.142	0,96%	19.280.678	46,40%
<b>Cổ đông pháp nhân</b>	<b>22.050.188</b>	<b>53,07%</b>	<b>220.430</b>	<b>0,53%</b>	<b>22.270.618</b>	<b>53,60%</b>
Từ 5% trở lên	21.411.427	51,53%	-	0,00%	21.411.427	51,53%
Dưới 5%	638.761	1,54%	220.430	0,53%	859.191	2,07%
<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>-</b>	<b>0,00%</b>	<b>-</b>	<b>0,00%</b>	<b>-</b>	<b>0,00%</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>40.933.724</b>	<b>98,51%</b>	<b>617.572</b>	<b>1,49%</b>	<b>41.551.296</b>	<b>100,00%</b>

**Bao gồm 4.839 cổ đông sở hữu 41.551.296 cổ phiếu**

<b>1. Tổ chức, trong đó :</b>	<b>62 cổ đông sở hữu 22.270.618 cổ phiếu</b>
- Trong nước	53 cổ đông sở hữu 22.050.188 cổ phiếu
- Ngoài nước	09 cổ đông sở hữu 220.430 cổ phiếu
<b>2. Cá nhân, trong đó :</b>	<b>4.777 cổ đông sở hữu 19.280.678 cổ phiếu</b>
- Trong nước	4.650 cổ đông sở hữu 18.883.536 cổ phiếu
- Ngoài nước	127 cổ đông sở hữu 397.142 cổ phiếu

*Nha Trang, ngày 20 tháng 04 năm 2011*

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**

*(Đã ký)*

**Trần Đình Nhân**



# PHỤ LỤC: BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ KIỂM TOÁN NĂM 2010

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

### Hội đồng Quản trị

Ông Bùi Quang Hùng	- Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2010)
Ông Trần Đình Nhân	- Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2010)
Ông Bùi Quang Hùng	- Ủy viên (bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2010)
Ông Nguyễn Thanh Lâm	- Ủy viên
Ông Lê Hoàng Anh	- Ủy viên
Ông Nguyễn Thanh Bình	- Ủy viên
Ông Đào Thanh Hoài	- Ủy viên (miễn nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2010)

### Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Thanh Lâm	- Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Cao Kỳ	- Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Đăng Hiền	- Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Kim Hoàng	- Phó Tổng Giám đốc

## TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Nguyễn Thanh Lâm**  
Tổng Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 25 tháng 3 năm 2011

## Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN



Công ty TNHH Deloitte Việt Nam  
Tầng 12A, Tòa nhà Vinaconex  
34 Láng Hạ, Quận Đống Đa,  
Hà Nội, Việt Nam  
Tel : +84 (0)4 6288 3568  
Fax: +84 (0)4 6288 5678  
[www.deloitte.com/vn](http://www.deloitte.com/vn)

Số. 554/Deloitte-AUDHN-RE

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi:** Các cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất") của Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 5 đến trang 29. Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên**

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 2, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

### **Cơ sở của ý kiến**

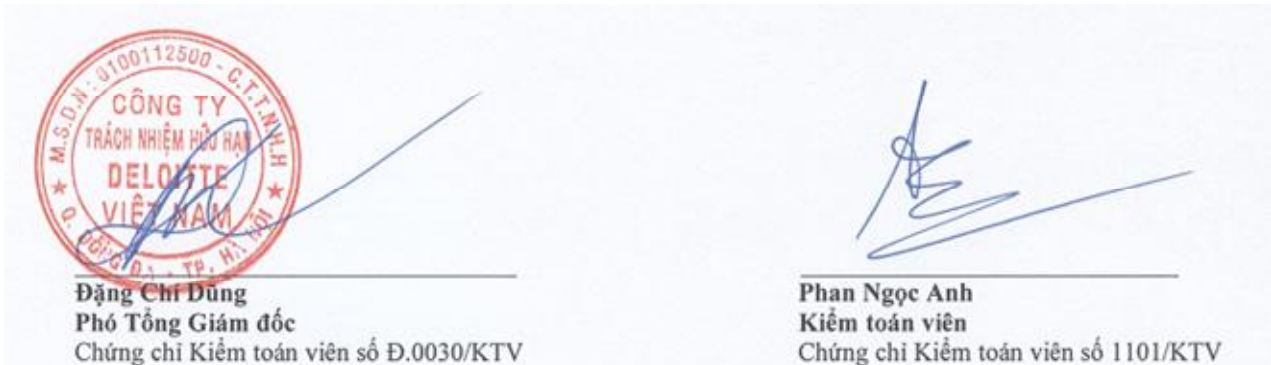
Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

### **Ý kiến**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Như trình bày tại thuyết minh số 4 phần thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 ("Thông tư 201"). Thông tư 201 quy định việc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán có sự khác biệt so với Chuẩn mực kế toán

Việt Nam số 10 (VAS10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Ảnh hưởng của việc Công ty áp dụng Thông tư 201 đến báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được trình bày tại thuyết minh số 4.



*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**  
*Ngày 25 tháng 03 năm 2011*  
*Hà Nội, CHXHCN Việt Nam*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010*

**MẪU SỐ B 01-DN/HN**  
 Đơn vị: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2010</b>	<b>31/12/2009</b>
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>			
<b>(100=110+120+130+140+150)</b>			<b>492.665.090.583</b>	<b>351.718.942.954</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>338.459.643.514</b>	<b>251.190.098.831</b>
1. Tiền	111		16.437.169.596	13.488.194.381
2. Các khoản tương đương tiền	112		322.022.473.918	237.701.904.450
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>23.138.809.167</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		23.138.809.167	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>50.753.440.763</b>	<b>46.360.277.967</b>
1. Phải thu khách hàng	131		32.416.162.692	39.190.626.422
2. Trả trước cho người bán	132		6.864.595.315	924.183.229
3. Các khoản phải thu khác	138		14.195.206.060	8.639.067.777
4. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(2.722.523.304)	(2.393.599.461)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>6</b>	<b>77.824.812.273</b>	<b>42.164.000.601</b>
1. Hàng tồn kho	141		79.347.845.798	43.534.444.952
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.523.033.525)	(1.370.444.351)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.488.384.866</b>	<b>12.004.565.555</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		117.193.011	11.126.028.839
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		1.624.410.095	53.035.113
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		746.781.760	825.501.603
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>571.234.468.376</b>	<b>496.951.256.854</b>
<b>(200=220+250+260)</b>				
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>499.603.927.762</b>	<b>428.698.327.298</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>7</b>	443.403.149.421	407.449.540.054
- Nguyên giá	222		1.173.826.714.628	1.050.701.558.758
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(730.423.565.207)	(643.252.018.704)
2. Tài sản cố định vô hình	227		72.524.209	64.176.741
- Nguyên giá	228		310.373.931	228.842.143
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(237.849.722)	(164.665.402)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	<b>8</b>	56.128.254.132	21.184.610.503
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>62.520.707.875</b>	<b>57.942.500.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	<b>9</b>	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	<b>10</b>	4.883.207.875	9.710.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	<b>11</b>	72.637.500.000	59.482.500.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	<b>11</b>	(15.000.000.000)	(11.250.000.000)
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>9.109.832.739</b>	<b>10.310.429.556</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	<b>12</b>	7.066.082.739	8.735.429.556
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2.043.750.000	1.575.000.000
<b>TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>1.063.899.558.959</b>	<b>848.670.199.808</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010*
**MẪU SỐ B 01-DN/HN**

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>565.617.570.767</b>	<b>593.125.755.681</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>254.947.967.392</b>	<b>295.327.710.361</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	14	83.816.331.422	75.671.331.500
2. Phải trả người bán	312		82.913.266.973	66.936.000.147
3. Người mua trả tiền trước	313		25.333.946.207	6.307.383.308
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		2.220.458.440	3.299.323.058
5. Phải trả người lao động	315		37.966.051.745	28.413.771.508
6. Chi phí phải trả	316		8.948.146.406	4.865.814.315
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	13	4.828.650.797	105.647.781.860
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		8.921.115.402	4.186.304.665
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>310.669.603.375</b>	<b>297.798.045.320</b>
1. Vay và nợ dài hạn	334	14	304.275.441.725	295.952.989.405
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		2.026.284.378	1.292.311.553
3. Doanh thu chưa thực hiện	338		4.367.877.272	552.744.362
<b>B - NGUỒN VỐN (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>494.336.466.720</b>	<b>255.544.444.127</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>15</b>	<b>494.336.466.720</b>	<b>255.544.444.127</b>
1. Vốn điều lệ	411		415.512.960.000	208.900.680.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(470.673.364)	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		7.384.665.915	7.384.665.915
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(597.915.034)	(1.494.159.135)
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		4.293.183.739	-
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		9.765.543.547	5.995.974.743
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		58.448.701.917	34.757.282.604
<b>C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>3.945.521.472</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)</b>	<b>440</b>		<b>1.063.899.558.959</b>	<b>848.670.199.808</b>

Khánh Hòa, ngày 25 tháng 3 năm 2011

Người lập  Nguyễn Thị Chí	Kế toán trưởng  Trần Thị Triều Linh	Tổng Giám đốc  Nguyễn Thanh Lâm
--	--	--



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010*

MẪU SỐ B 02-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2010	2009
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>16</b>	<b>1.207.774.012.394</b>	<b>1.026.034.442.718</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	16	926.446	635.537
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>	<b>16</b>	<b>1.207.773.085.948</b>	<b>1.026.033.807.181</b>
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	17	1.044.117.029.350	883.695.667.074
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>163.656.056.598</b>	<b>142.338.140.107</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	44.728.698.048	13.467.178.700
7. Chi phí tài chính	22	19	23.728.776.459	22.440.863.596
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		13.924.036.753	11.142.051.594
8. Chi phí bán hàng	24		54.151.170.181	51.316.249.727
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		32.780.114.321	24.931.414.213
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))</b>	<b>30</b>		<b>97.724.693.685</b>	<b>57.116.791.271</b>
11. Thu nhập khác	31	20	9.233.106.981	8.665.021.988
12. Chi phí khác	32		868.185.075	4.692.468.070
<b>13. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>8.364.921.906</b>	<b>3.972.553.918</b>
<b>14. Lợi nhuận trong công ty liên kết</b>	<b>45</b>		<b>233.207.875</b>	-
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)</b>	<b>50</b>		<b>106.322.823.466</b>	<b>61.089.345.189</b>
16.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	21	17.708.590.654	10.756.322.528
16.2 (Thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	52		(468.750.000)	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>89.082.982.812</b>	<b>50.333.022.661</b>
17.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	-
17.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		89.082.982.812	50.333.022.661
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	22	2.345	2.409

*Khánh Hòa, ngày 25 tháng 3 năm 2011*

Người lập



Nguyễn Thị Chí

Kế toán trưởng



Trần Thị Triều Linh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Lâm

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2010	2009
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>106.322.823.466</b>	<b>61.089.345.189</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao và hao mòn TSCĐ	02	102.983.516.156	101.643.497.635
Các khoản dự phòng	03	4.231.513.017	1.469.488.341
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	3.604.964.581	9.514.386.613
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(49.868.327.492)	(11.256.656.124)
Chi phí lãi vay	06	13.924.036.753	11.142.051.594
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>181.198.526.481</b>	<b>173.602.113.248</b>
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(944.805.144)	15.409.455.017
(Tăng) hàng tồn kho	10	(34.805.213.127)	(6.067.424.519)
(Giảm)/Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(47.272.555.508)	66.045.278.838
Giảm chi phí trả trước và tài sản ngắn hạn khác	12	11.782.006.722	865.783.730
Tiền lãi vay đã trả	13	(10.511.867.728)	(16.741.393.078)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(18.792.274.089)	(11.902.174.931)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(59.703.380)	(3.116.935.145)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>80.594.114.227</b>	<b>218.094.703.160</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(119.563.006.340)	(31.599.793.179)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	7.010.000.000	1.046.700.000
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(36.011.517.369)	(14.642.500.000)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	200.000.000
5. Tiền thu lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	39.480.917.642	12.959.282.394
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(109.083.606.067)</b>	<b>(32.036.310.785)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	206.141.606.636	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	28.999.999.980	-
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(73.682.721.418)	(46.273.398.465)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(45.699.848.675)	(20.879.902.600)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>115.759.036.523</b>	<b>(67.153.301.065)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b> <b>(50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>87.269.544.683</b>	<b>118.905.091.310</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>251.190.098.831</b>	<b>132.285.007.521</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)</b>	<b>70</b>	<b>338.459.643.514</b>	<b>251.190.098.831</b>

Khánh Hòa, ngày 25 tháng 3 năm 2011

<p style="text-align: center;">Người lập</p>  <p style="text-align: center;">Nguyễn Thị Chí</p>	<p style="text-align: center;">Kế toán trưởng</p>  <p style="text-align: center;">Trần Thị Triều Linh</p>	<p style="text-align: center;">Tổng Giám đốc</p>  <div style="text-align: center;">  <p style="margin: 0;">CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA</p> </div> <p style="text-align: center;">Nguyễn Thanh Lâm</p>
--	--	---

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa tiền thân là Điện lực Khánh Hòa - Đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty Điện lực 3 thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam). Theo Quyết định số 161/2004/QĐ-BCN ngày 6 tháng 12 năm 2004, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp đã phê duyệt phương án cổ phần hóa Điện lực Khánh Hòa và chuyển Điện lực Khánh Hòa thuộc Công ty Điện lực 3 thành Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa. Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa chính thức đi vào hoạt động từ ngày 1 tháng 7 năm 2005.

Theo Quyết định số 739/QĐ-BCT ngày 5 tháng 2 năm 2010 của Bộ Công thương về việc thành lập Công ty mẹ - Tổng Công ty Điện lực Miền Trung, quyền đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước của Tập đoàn Điện lực Việt Nam tại Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa sẽ được chuyển về Tổng Công ty Điện lực Miền Trung kể từ ngày 1 tháng 4 năm 2010.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi là 415.512.960.000 VND, trong đó: tỷ lệ cổ phần của Nhà nước chiếm 51,53%, tỷ lệ cổ phần do cán bộ, công nhân viên trong Công ty nắm giữ và cổ phần bán ra ngoài doanh nghiệp chiếm 48,47%.

Trụ sở chính của Công ty tại số 11 Lý Thánh Tôn, phường Vạn Thạnh, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

#### Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi số 4200601069 ngày 17 tháng 5 năm 2010, bao gồm các hoạt động sau:

- Sản xuất và kinh doanh điện năng. Quản lý, vận hành lưới điện phân phối có cấp điện áp đến 110KV;
- Xây dựng, lắp đặt, quản lý, vận hành và sửa chữa các nhà máy thủy điện, nhiệt điện nhỏ, các nhà máy điện diesel, máy phát điện diesel. Xây lắp các công trình điện, lưới điện và trạm điện có cấp điện áp đến 110KV, các công trình viễn thông công cộng, công trình công nghiệp và dân dụng;
- Tư vấn lập dự án đầu tư, quản lý dự án nhà máy nhiệt điện nhỏ, đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 110kv và các công trình viễn thông;
- Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bê tông ly tâm;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị điện;
- Kinh doanh thiết bị viễn thông;
- Kinh doanh thương mại, thiết bị và phần mềm máy vi tính;
- Đại lý bán hàng vật tư, thiết bị điện;
- Dịch vụ khách sạn;
- Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng;
- Đại lý các dịch vụ viễn thông công cộng, kinh doanh các dịch vụ viễn thông công cộng và internet;
- Vận chuyển hàng hóa;
- Thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến dưới 110KV cấp 2, nhà máy điện cấp 4. Thí nghiệm thiết bị điện đến cấp điện áp 110KV. Kiểm định công tơ điện;
- Kinh doanh dịch vụ quảng cáo;
- Gia công chế tạo các sản phẩm cơ khí (trừ máy móc, thiết bị); và
- Đại lý bảo hiểm.

### 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KẾ TOÁN

#### Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



## **Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

### **3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG**

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Ban Tổng Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính hợp nhất trong tương lai của Công ty.

### **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

#### **Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết

định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

### **Các khoản dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”. Mức trích lập cụ thể như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm;
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Các khoản nợ phải thu không có khả năng thu hồi được bù đắp bằng nguồn quỹ dự phòng nợ phải thu khó đòi và quỹ dự phòng tài chính (nếu có), phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí quản lý của doanh nghiệp.

### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hoá tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 02 “Hàng tồn kho” và Thông tư số 228/2010/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

### **Tài sản cố định hữu hình và hao mòn**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu là giá quyết toán công trình, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có). Nguyên giá tài sản

cổ định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt, chạy thử.

Đối với các công trình hoàn thành đầu tư, đưa vào sử dụng nhưng chưa được duyệt quyết toán, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận là chi phí thực hiện đầu tư tính đến thời điểm bàn giao hoặc theo giá dự toán. Khi công trình được duyệt quyết toán, nguyên giá tài sản cố định được điều chỉnh theo giá trị quyết toán.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>2010</u>	<u>2009</u>
	(Số năm)	(Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25	10 - 25
Máy móc thiết bị	5 - 12	6 - 10
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	5 - 10	3 - 10
Dụng cụ quản lý, tài sản khác	3 - 10	3 - 10

### **Tài sản cố định vô hình và hao mòn**

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị phần mềm kế toán và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích ước tính là 5 năm.

### **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

### **Các khoản đầu tư chứng khoán**

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

### **Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ chờ phân bổ và chi phí hoạt động viễn thông hỗ trợ cho khách hàng.

Công cụ, dụng cụ có giá trị thấp hơn 2 triệu VND được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong thời gian 1 năm.

Công tơ và các công cụ, dụng cụ khác được phân bổ vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời gian 24 tháng kể từ ngày xuất dùng.

Chi phí hoạt động viễn thông hỗ trợ cho khách hàng bao gồm giá trị các tài sản như điện thoại, modem internet... hỗ trợ cho các khách hàng sử dụng theo mức quy định bởi EVN Telecom. Các khoản chi phí hỗ trợ này được phân bổ dần vào chi phí trong thời gian không quá 5 năm đối với điện thoại và 2 năm đối với modem internet theo hướng dẫn của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Trong năm 2010, Công ty đã thay đổi phương pháp phân bổ công tơ. Theo đó, công tơ sẽ được phân bổ 70% vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh ngay khi phát sinh, 30% còn lại được phân bổ vào chi phí năm sau. Đồng thời, Công ty cũng thay đổi thời gian phân bổ thiết bị đầu cuối từ 48 tháng xuống 45 tháng trong năm 2010.

### **Nguồn vốn - quỹ**

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy đăng ký kinh doanh sửa đổi là 415.512.960.000 VND, trong đó: tỷ lệ cổ phần của Nhà nước chiếm 51,53%, tỷ lệ cổ phần do cán bộ, công nhân viên trong Công ty nắm giữ và cổ phần bán ra ngoài doanh nghiệp chiếm 48,47%.

Các quỹ khác như Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ dự phòng tài chính, Quỹ khen thưởng phúc lợi... do Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.

### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

### **Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này và được xử lý như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại chưa ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và được phân bổ vào chi phí tối đa không quá 5 năm.

Hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC như trên có khác biệt so với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo VAS10, tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh. Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn theo VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính. Theo đó, việc áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC làm lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 tăng 597.915.034 VND (năm 2009: 1.494.159.135 VND) và khoản mục “chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 sẽ tăng một khoản tương ứng so với áp dụng theo VAS10.

### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

### **Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

## 5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<b>31/12/2010</b>	<b>31/12/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	478.348.095	502.612.853
Tiền gửi ngân hàng	15.958.821.501	12.985.581.528
Các khoản tương đương tiền	322.022.473.918	237.701.904.450
	<b>338.459.643.514</b>	<b>251.190.098.831</b>

## 6. HÀNG TỒN KHO

	<b>31/12/2010</b>	<b>31/12/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Hàng mua đang đi đường	-	295.238.095
Nguyên liệu, vật liệu	44.035.070.284	28.288.742.255
Công cụ, dụng cụ	7.964.403.788	2.813.162.032
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	24.352.895.608	8.579.548.934
Hàng hoá	2.995.476.118	3.557.753.636
<b>Cộng</b>	<b>79.347.845.798</b>	<b>43.534.444.952</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.523.033.525)	(1.370.444.351)
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được</b>	<b>77.824.812.273</b>	<b>42.164.000.601</b>

## 7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, t. bị truyền dẫn VND	Dụng cụ quản lý VND	Tài sản khác VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
<b>Tại ngày 1/1/2010</b>	<b>26.720.373.743</b>	<b>327.423.303.624</b>	<b>677.708.245.395</b>	<b>18.552.189.687</b>	<b>297.446.309</b>	<b>1.050.701.558.758</b>
Mua sắm mới	3.442.730.238	54.526.439.615	25.085.263.069	3.824.766.801	60.298.273	86.939.497.996
XDCB hoàn thành	9.010.460.861	29.702.348.481	25.874.301.342	173.495.279	1.549.401.059	66.310.007.022
Tăng khác	-	3.824.475.389	50.000.000	-	-	3.874.475.389
Thanh lý	(495.785.748)	(28.729.197.376)	(701.055.599)	(188.607.045)	-	(30.114.645.768)
Giảm khác	-	-	(3.884.178.769)	-	-	(3.884.178.769)
<b>Tại ngày 31/12/2010</b>	<b>38.677.779.094</b>	<b>386.747.369.733</b>	<b>724.132.575.438</b>	<b>22.361.844.722</b>	<b>1.907.145.641</b>	<b>1.173.826.714.628</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
<b>Tại ngày 1/1/2010</b>	<b>18.589.227.352</b>	<b>188.765.796.090</b>	<b>432.121.463.410</b>	<b>3.509.420.842</b>	<b>266.111.010</b>	<b>643.252.018.704</b>
Trích khấu hao trong năm	2.635.746.096	33.108.869.937	66.084.474.473	916.384.674	179.006.659	102.924.481.839
Tăng khác	-	7.508.606.504	6.412.665.130	-	-	13.921.271.634
Thanh lý	(493.030.543)	(28.353.203.453)	(639.365.929)	(188.607.045)	-	(29.674.206.970)
<b>Tại ngày 31/12/2010</b>	<b>20.731.942.905</b>	<b>201.030.069.078</b>	<b>503.979.237.084</b>	<b>4.237.198.471</b>	<b>445.117.669</b>	<b>730.423.565.207</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
<b>Tại ngày 31/12/2009</b>	<b>8.131.146.391</b>	<b>138.657.507.534</b>	<b>245.586.781.985</b>	<b>15.042.768.845</b>	<b>31.335.299</b>	<b>407.449.540.054</b>
<b>Tại ngày 31/12/2010</b>	<b>17.945.836.189</b>	<b>185.717.300.655</b>	<b>220.153.338.354</b>	<b>18.124.646.251</b>	<b>1.462.027.972</b>	<b>443.403.149.421</b>

Như trình bày tại thuyết minh số 14, một số tài sản bao gồm nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải truyền dẫn với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 187.031.750.348 VND (31/12/2009: 243.376.944.448 VND) được sử dụng để đảm bảo cho các khoản tiền vay từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thay đổi tỷ lệ khấu hao một số tài sản cố định hữu hình trong năm 2010. Ban Tổng Giám đốc tin rằng việc áp dụng tỷ lệ khấu hao mới sẽ phản ánh chính xác hơn hiệu suất sử dụng tài sản cố định của Công ty. Nếu không có sự thay đổi này, chi phí ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm sẽ giảm đi 12.535.956.996 VND và lợi nhuận trước thuế trong năm sẽ tăng lên một khoản tương ứng.

Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 188.866.767.132 VND (31/12/2009: 138.295.271.253 VND).

## 7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (Tiếp theo)

Trong năm 2010, Công ty đã hoàn thành và đưa vào sử dụng Công trình Trạm biến áp 110KV Nam Cam Ranh và Nhánh rẽ với giá trị quyết toán là 28.920.926.911 VND, trong đó sử dụng 14.000.000.000 VND là vốn vay từ Hợp đồng vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa như trình bày tại thuyết minh số 14. Công trình nhằm cấp điện cho nhà máy xi măng Cam Ranh và được xây dựng tại Cam Thịnh Đông - thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa. Quy mô công trình bao gồm: nhà điều khiển (320m<sup>2</sup>), nhà nghỉ ca (59m<sup>2</sup>), cổng và tường rào (264m<sup>2</sup>), đường dây nhánh rẽ 110KV (550m) và cáp quang và phần trạm biến áp 110KV(115/38,5,6,6kv-16MVA).

## 8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	<b>2010</b>	<b>2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tại ngày 1/1</b>	<b>21.184.610.503</b>	<b>9.055.048.027</b>
Tăng trong năm	110.168.314.919	43.003.790.042
Mua công ty con	6.644.153.883	-
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(66.310.007.022)	(18.372.478.664)
Chi phí sửa chữa lớn hoàn thành trong năm	(15.558.818.151)	(12.501.748.902)
<b>Tại ngày 31/12</b>	<b>56.128.254.132</b>	<b>21.184.610.503</b>

## 9. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Theo Nghị quyết số 34/NQ-ĐLKH-HĐQT ngày 9 tháng 2 năm 2010, Công ty đã nhận chuyển nhượng phần góp vốn của cổ đông sáng lập là Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 9 với số cổ phần là 475.000 cổ phần (mệnh giá 10.000 VND/cổ phần), nâng tỷ lệ phần vốn góp của Công ty từ 45% lên 56,875% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Chò. Theo đó, Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Chò chuyển từ công ty liên kết thành công ty con của Công ty.

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Chò	Số 12A Yersin, phường Vạn Thạnh, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	56,88	56,88	Sản xuất và kinh doanh điện năng; Quản lý, vận hành, bảo dưỡng các nhà máy thủy điện; Kinh doanh vật tư, thiết bị điện.

## 10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	<b>31/12/2010</b>	<b>31/12/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đầu tư vào các công ty liên kết	4.650.000.000	9.710.000.000
Phần lợi nhuận, cổ tức được chia đã nhận	233.207.875	-
	<b>4.883.207.875</b>	<b>9.710.000.000</b>



Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm	Số 11 Lý Thánh Tôn, phường Vạn Thạnh, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	31	31	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm bê tông ly tâm công nghiệp; Vận tải hàng hoá, kinh doanh vật liệu xây dựng.

Thông tin tài chính tóm tắt sau kiểm toán về công ty liên kết của Công ty được trình bày như sau:

	<b>31/12/2010</b>	<b>31/12/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng tài sản	40.672.225.770	55.874.808.691
Tổng công nợ	21.446.162.276	29.338.026.015
Tài sản thuần	19.226.063.494	26.536.782.676
Phần tài sản thuần đầu tư vào công ty liên kết	4.883.207.875	9.710.000.000
	<b>2010</b>	<b>2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu	30.432.968.157	25.286.391.145
Lợi nhuận thuần	4.588.255.790	3.384.143.750
Lợi nhuận thuần từ khoản đầu tư	233.207.875	-

## 11. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	<b>31/12/2010</b>	<b>31/12/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Chứng khoán Hà Thành	18.750.000.000	18.750.000.000
Công ty Cổ phần Bất động sản ĐL miền Trung	9.000.000.000	9.000.000.000
Công ty Cổ phần Bất động sản ĐL Sài Gòn Vina	15.000.000.000	15.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3	4.000.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực Nha Trang	16.267.500.000	10.845.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị điện VINASINO	4.620.000.000	2.887.500.000
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa	5.000.000.000	-
	<b>72.637.500.000</b>	<b>59.482.500.000</b>

Trong năm 2007, Công ty mua 750.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hà Thành, tương ứng với tỷ lệ 5% vốn điều lệ với giá mua là 25.000 VND/1 cổ phiếu. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được xem là đầu tư dài hạn để nhận cổ tức và ghi nhận theo giá gốc. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng việc trình bày theo giá gốc là phù hợp và các khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, nếu có, sẽ không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

## 12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	2010 VND	2009 VND
<b>Tại ngày 1/1</b>	<b>8.735.429.556</b>	<b>20.920.562.201</b>
Tăng trong năm	16.716.200.812	9.468.223.632
Phân bổ vào chi phí trong năm	(18.378.141.446)	(21.653.356.277)
Giảm khác	(7.406.183)	-
<b>Tại ngày 31/12</b>	<b>7.066.082.739</b>	<b>8.735.429.556</b>

Như đã nêu tại thuyết minh số 4, Công ty đã thay đổi phương pháp phân bổ giá trị công cụ, dụng cụ và chi phí hỗ trợ thiết bị đầu cuối trong năm 2010. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng việc áp dụng thời gian phân bổ mới sẽ phản ánh chính xác hơn tình hình hoạt động của Công ty cũng như hiệu suất sử dụng của các tài sản này. Nếu phương pháp phân bổ cũ vẫn được Công ty áp dụng, thì chi phí ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm sẽ giảm đi khoảng 577.621.977 VND và lợi nhuận trước thuế trong năm sẽ tăng lên một khoản tương ứng.

## 13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT	570.121.856	265.613.468
Nhận tiền mua cổ phiếu từ EVN	-	70.000.000.000
Phải trả EVN tiền mua tài sản cố định	599.463.505	32.140.681.180
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	3.659.065.436	3.241.487.212
	<b>4.828.650.797</b>	<b>105.647.781.860</b>

## 14. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

		<b>31/12/2010</b>	<b>31/12/2009</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Vay dài hạn</b>		<b>302.984.824.550</b>	<b>350.398.527.148</b>
Dường dây và trạm 110KV			
Trạm 110KV Đồng Đế	(1)	2.271.000.000	4.271.000.000
Trạm 110KV Bình Tân và nhánh rẽ	(2)	10.698.671.880	12.927.243.309
Trạm 110KV Nha Trang	(3)	8.402.562.866	9.720.946.733
Lưới điện 110KV Nha Trang	(4)	179.239.118.673	238.985.492.563
Nguồn vốn vay Ngân hàng Thế giới	(5)	27.008.540.574	27.100.344.993
Các khoản vay khác			
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung			
Lưới điện Thành phố Nha Trang	(6)	24.360.717.039	28.215.671.943
Cải tạo và phát triển lưới điện phân phối thị trấn Diên Khánh	(7)	22.004.213.538	26.029.617.774
Tập đoàn Điện lực Việt Nam			
Vật tư, công cụ, dụng cụ		-	3.148.209.833
Ngân hàng Phát triển Việt Nam			
Phù điện khu vực vùng lõm, vùng trắng	(8)	7.999.999.980	-
Trạm 110KV Nam Cam Ranh	(9)	14.000.000.000	-
Quỹ Đầu tư Phát triển Khánh Hòa			
Phù điện khu vực vùng lõm, vùng trắng	(10)	7.000.000.000	-
<b>Nợ dài hạn</b>		<b>85.106.948.597</b>	<b>21.225.793.757</b>
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	(11)	40.000.000.000	-
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung		19.851.709.561	17.759.430.768
Công ty Địa chính Khánh Hòa	(12)	15.835.192.682	-
Công ty TNHH Long Phú		3.386.459.989	3.386.459.989
Các đối tượng khác		6.033.586.365	79.903.000
		<b>388.091.773.147</b>	<b>371.624.320.905</b>
<b>Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng</b>		<b>83.816.331.422</b>	<b>75.671.331.500</b>
(Được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)			
Trong đó: <i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>		<i>82.209.653.124</i>	<i>75.281.738.168</i>
<i>Nợ dài hạn đến hạn trả</i>		<i>1.606.678.298</i>	<i>389.593.332</i>
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>		<b>304.275.441.725</b>	<b>295.952.989.405</b>

- Hợp đồng cho vay lại từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam nguồn vốn vay từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Đà Nẵng để đầu tư tài sản cố định. Khoản vay này có hạn mức 8.071.000.000 VND và được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay với thời hạn 4 năm kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2008. Khoản vay được hoàn trả hàng quý và chịu lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND 12 tháng trả lãi sau được niêm yết tại hội sở Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Đà Nẵng cộng chi phí biên 3,2%/năm và phí cho vay lại 0,2%/năm tính trên số dư nợ vay thực tế.
- Hợp đồng cho vay lại từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam nguồn vốn vay của Ngân hàng Công thương Việt Nam để đầu tư tài sản cố định. Khoản vay này có hạn mức 12.927.243.309 VND và được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay với thời hạn 9 năm kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2008. Khoản vay được hoàn trả theo kỳ bán niên và chịu lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND 12 tháng trả lãi sau cộng chi phí biên 3,2%/năm và phí cho vay lại 0,2%/năm tính trên số dư nợ vay thực tế.
- Hợp đồng cho vay lại từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam nguồn vốn vay từ Ngân hàng Thế giới để đầu tư tài sản cố định. Khoản vay này có hạn mức 737.828,59 USD và được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay với thời hạn 7,5 năm kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2008. Khoản vay được hoàn trả theo kỳ bán niên và chịu lãi suất 6,9%/năm và phí cho vay lại 0,2%/năm tính trên số dư nợ vay thực tế.

- (4) Hợp đồng vay từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam có hạn mức 298.731.866.453 VND để đầu tư tài sản cố định và được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay. Thời hạn vay không quá 5 năm kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2008. Khoản vay được hoàn trả trong 10 kỳ bán niên bắt đầu từ ngày 15 tháng 4 năm 2010 và chịu lãi suất 1,5%/năm.
- (5) Hợp đồng cho vay lại từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam nguồn vốn vay của Ngân hàng Thế giới để đầu tư tài sản cố định. Khoản vay này có hạn mức 1.510.525,89 USD và được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay với thời hạn 19 năm kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2008. Khoản vay được hoàn trả trong 36 kỳ bán niên bắt đầu từ ngày 15 tháng 6 năm 2010 và chịu lãi suất 1%/năm và phí cho vay lại 0,2%/năm tính trên số dư nợ vay thực tế.
- (6) Hợp đồng cho vay lại vốn vay nước ngoài ký ngày 28 tháng 12 năm 2006 giữa Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa với Tổng Công ty Điện lực Miền Trung (trước đây là Công ty Điện lực 3) cho dự án “Lưới điện thành phố Nha Trang”, lãi suất vay là 6,90%/năm.
- (7) Đây là khoản vay của 2 hợp đồng:
  - Hợp đồng cho vay lại vốn vay nước ngoài ký ngày 28 tháng 12 năm 2006 giữa Công ty với Tổng Công ty Điện lực Miền Trung (trước đây là Công ty Điện lực 3) với lãi suất 6,82%/năm.
  - Hợp đồng cho vay lại vốn tín dụng đầu tư phát triển ký ngày 28 tháng 12 năm 2006 giữa Công ty với Tổng Công ty Điện lực Miền Trung (trước đây là Công ty Điện lực 3) với lãi suất 6,60%/năm.
- (8) Hợp đồng cho vay của Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa để thực hiện dự án “Phủ điện khu vực vùng lõm, vùng trắng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa”. Khoản vay này có hạn mức 18.000.000.000 VND và được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay với thời hạn 72 tháng kể từ ngày 24 tháng 12 năm 2010. Khoản vay được trả hàng tháng trong thời gian 66 tháng và chịu lãi suất 9,6%/năm tính trên số dư nợ vay thực tế.
- (9) Hợp đồng cho vay của Ngân hàng Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Khánh Hòa để thực hiện dự án “Trạm biến áp 110KV Nam Cam Ranh”. Khoản vay này có hạn mức 16.000.000.000 VND và được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay với thời hạn 57 tháng kể từ ngày 25 tháng 11 năm 2010. Khoản vay được trả hàng tháng trong thời gian 54 tháng từ tháng 1 năm 2011 và chịu lãi suất 9,6%/năm tính trên số dư nợ vay thực tế.
- (10) Hợp đồng cho vay Quỹ Đầu tư Phát triển Khánh Hòa để thực hiện dự án “Phủ điện khu vực vùng lõm, vùng trắng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa”. Khoản vay này có hạn mức 7.000.000.000 VND và được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay với thời hạn 72 tháng kể từ ngày 30 tháng 6 năm 2010. Khoản vay được trả hàng tháng trong thời gian 66 tháng từ tháng 1 năm 2011 và chịu lãi suất 9,6%/năm tính trên số dư nợ vay thực tế.
- (11) Trong năm 2010, Công ty nhận nợ từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam liên quan đến tài sản bàn giao là Công trình Trạm biến áp 110KV Bán đảo Cam Ranh và Nhánh Rẽ với số tiền tạm ghi nhận là 40 tỷ VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, khoản nhận nợ này chưa có hợp đồng, chưa xác định lãi suất và lịch trả nợ chi tiết.
- (12) Khoản nợ dài hạn tương ứng với khoản nhận bàn giao tài sản là Lưới điện Khu đô thị mới Vĩnh Hòa nhận từ Công ty TNHH MTV Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khánh Hòa (trước đây là Công ty Địa chính Khánh Hòa). Khoản nợ dài hạn được trả đều hàng năm trong vòng 20 năm từ năm 2011 và chưa xác định lãi suất.

Các khoản vay và nợ dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<b>31/12/2010</b>	<b>31/12/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	83.816.331.422	75.671.331.500
Trong năm thứ hai	83.117.551.164	75.671.331.502
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	112.966.843.785	159.807.566.663
Sau năm năm	108.191.046.776	60.474.091.240
	<u>388.091.773.147</u>	<u>371.624.320.905</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày tại Thuyết minh số 13)	83.816.331.422	75.671.331.500
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b><u>304.275.441.725</u></b>	<b><u>295.952.989.405</u></b>

## 15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn điều lệ VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Tại ngày 1/1/2009</b>	<b>174.090.860.000</b>	<b>7.382.907.915</b>	-	-	<b>12.972.722.507</b>	<b>4.200.552.531</b>	<b>34.480.098.554</b>	<b>233.127.141.507</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	50.333.022.661	50.333.022.661
Đánh giá chênh lệch tỷ giá	-	-	-	(1.494.159.135)	-	-	-	(1.494.159.135)
Tăng vốn điều lệ	34.809.820.000	-	-	-	(12.972.722.507)	-	(21.837.097.493)	-
Tăng vốn khác	-	1.758.000	-	-	-	-	(1.758.000)	-
Trích quỹ từ lợi nhuận	-	-	-	-	-	2.301.904.046	(2.301.904.046)	-
Chi quỹ	-	-	-	-	-	(506.481.834)	-	(506.481.834)
Thưởng Ban điều hành	-	-	-	-	-	-	(2.722.689.426)	(2.722.689.426)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(2.301.904.046)	(2.301.904.046)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(20.890.485.600)	(20.890.485.600)
<b>Tại ngày 1/1/2010</b>	<b>208.900.680.000</b>	<b>7.384.665.915</b>	-	<b>(1.494.159.135)</b>	-	<b>5.995.974.743</b>	<b>34.757.282.604</b>	<b>255.544.444.127</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	89.082.982.812	89.082.982.812
Đánh giá chênh lệch tỷ giá	-	-	-	896.244.101	-	-	-	896.244.101
Tăng vốn điều lệ (1)	206.612.280.000	-	(470.673.364)	-	-	-	-	206.141.606.636
Trích quỹ từ lợi nhuận (2)	-	-	-	-	4.293.183.739	3.870.890.832	(8.164.074.571)	-
Chi quỹ	-	-	-	-	-	(101.322.028)	-	(101.322.028)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (2)	-	-	-	-	-	-	(11.521.063.328)	(11.521.063.328)
Chia cổ tức (3)	-	-	-	-	-	-	(45.706.425.600)	(45.706.425.600)
<b>Tại ngày 31/12/2010</b>	<b>415.512.960.000</b>	<b>7.384.665.915</b>	<b>(470.673.364)</b>	<b>(597.915.034)</b>	<b>4.293.183.739</b>	<b>9.765.543.547</b>	<b>58.448.701.917</b>	<b>494.336.466.720</b>

- (1) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009 và Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 458/UBCK-GCN ngày 23 tháng 11 năm 2009 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty được chấp thuận phát hành thêm 20.987.368 cổ phiếu phổ thông với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Trong đó, 20.890.068 cổ phiếu được chào bán cho cổ đông hiện hữu và 97.300 cổ phiếu được chào bán cho cán bộ, công nhân viên.

Đồng thời, theo Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 2852/UBCK-QLPH ngày 10 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty được chấp thuận phát hành thêm 101.271 cổ phiếu phổ thông với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam nhằm đảm bảo giữ tỷ lệ cổ phần chi phối của Tập đoàn.

Trong năm 2010, Công ty đã chào bán thành công số lượng cổ phiếu là 20.661.228 cổ phiếu và hoàn thành thủ tục sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh với số vốn điều lệ là 415.512.960.000 VND.

- (2) Trong năm, Công ty đã thực hiện tạm phân phối lợi nhuận năm 2010 vào các quỹ theo điều lệ Công ty. Tại ngày lập báo cáo này, Đại hội đồng cổ đông chưa có nghị quyết về phương án phân chia lợi nhuận.
- (3) Trong quý 2 năm 2010, Công ty đã trả tiền cổ tức đợt 2 cho năm tài chính 2009 với mức 6% bằng tiền mặt tính trên vốn điều lệ mới, tương đương 24.930.777.600 VND theo quyết định của Hội đồng Quản trị đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua vào tháng 4 năm 2010.

Trong quý 4 năm 2010, Công ty đã trả tiền tạm ứng cổ tức đợt 1 cho năm tài chính 2010 với mức 5% bằng tiền mặt tính trên vốn điều lệ mới, tương đương 20.775.648.000 VND theo Nghị quyết số 122/NQ-ĐLKH-HĐQT ngày 13 tháng 10 năm 2010.

## CỔ PHIẾU

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	41.551.296	20.890.068
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	41.551.296	20.890.068

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/1 cổ phiếu.

## 16. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>2010</u> <u>VND</u>	<u>2009</u> <u>VND</u>
Doanh thu bán điện	1.136.742.717.844	969.243.724.739
Doanh thu viễn thông và công nghệ thông tin	18.932.875.329	18.046.415.269
Doanh thu tiêu thụ sản phẩm khác	39.033.399.356	24.902.434.748
<i>Xây lắp điện</i>	28.486.723.113	15.357.842.846
<i>Khảo sát, thiết kế công trình điện</i>	663.880.994	947.436.548
<i>Mắc dây, đặt điện</i>	6.189.247.637	4.923.112.053
<i>Sửa chữa, thí nghiệm điện</i>	3.693.547.612	3.674.043.301
Dịch vụ	2.259.426.945	2.862.745.535
Nhượng bán vật tư, hàng hóa	10.805.592.920	10.979.122.427
	<u>1.207.774.012.394</u>	<u>1.026.034.442.718</u>
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	926.446	635.537
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>1.207.773.085.948</u></b>	<b><u>1.026.033.807.181</u></b>

**17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<b>2010</b>	<b>2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn bán điện	990.604.753.061	842.348.375.365
Giá vốn viễn thông và công nghệ thông tin	9.640.860.613	9.247.252.346
Giá vốn tiêu thụ sản phẩm khác	33.222.896.492	20.690.270.300
<i>Xây lắp điện</i>	25.628.764.389	13.920.729.124
<i>Khảo sát, thiết kế công trình điện</i>	383.967.436	808.493.198
<i>Mắc dây, đặt điện</i>	5.022.568.910	3.285.818.680
<i>Sửa chữa, thí nghiệm điện</i>	2.187.595.757	2.675.229.298
Dịch vụ	234.460.032	963.784.162
Nhượng bán vật tư hàng hóa	10.414.059.152	10.445.984.901
	<b>1.044.117.029.350</b>	<b>883.695.667.074</b>

Giá vốn bán điện chủ yếu là tiền mua điện thương phẩm theo đơn giá quy định của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

**18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>2010</b>	<b>2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi	43.016.408.209	12.662.005.955
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	-	5.666.667
Lãi bán hàng trả chậm	227.897.075	256.931.700
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.484.392.764	542.574.378
	<b>44.728.698.048</b>	<b>13.467.178.700</b>

**19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>2010</b>	<b>2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	13.924.036.753	11.142.051.594
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.913.633.697	1.561.154.004
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.604.964.581	9.514.386.613
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	3.750.000.000	-
Chi phí tài chính khác	536.141.428	223.271.385
	<b>23.728.776.459</b>	<b>22.440.863.596</b>

**20. THU NHẬP KHÁC**

	<b>2010</b>	<b>2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thanh lý nhượng bán tài sản cố định	7.059.150.206	7.573.787.429
Phạt vi phạm hợp đồng	78.347.528	107.077.756
Thu nhập khác	2.095.609.247	984.156.803
	<b>9.233.106.981</b>	<b>8.665.021.988</b>



## 21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<b>2010</b>	<b>2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>106.322.823.466</b>	<b>61.089.345.189</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(1.626.287.501)	(1.157.737.000)
Cộng: các khoản chi phí không được khấu trừ	10.725.341.325	266.416.880
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>115.421.877.290</b>	<b>60.198.025.069</b>
Thuế suất	25%	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>28.855.469.323</b>	<b>15.049.506.267</b>
Ưu đãi thuế	(9.752.074.362)	(4.293.183.739)
Điều chỉnh theo quyết toán thuế	(1.394.804.307)	-
	<b>17.708.590.654</b>	<b>10.756.322.528</b>

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Tại Công văn số 2366/CT-QLDN1 ngày 8 tháng 11 năm 2005, Cục thuế tỉnh Khánh Hòa đã chấp nhận cho Công ty được đăng ký miễn thuế thu nhập doanh nghiệp theo các quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành cho thời gian hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2006 đến ngày 31 tháng 12 năm 2007 và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp cho 5 năm tiếp theo.

## 22. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<b>2010</b>	<b>2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	89.082.982.812	50.333.022.661
Điều chỉnh cho các khoản:		
<i>Lợi nhuận từ tài sản nhận bàn giao</i>	-	(1.758.000)
<b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông</b>	89.082.982.812	50.331.264.661
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	37.985.111	20.890.068
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2.345</b>	<b>2.409</b>

## 23. CÁC KHOẢN CAM KẾT ĐẦU TƯ

- Theo Nghị quyết số 34/NQ-ĐLKH-HĐQT ngày 9 tháng 2 năm 2010 của Hội đồng Quản trị về việc nhận chuyển nhượng quyền góp vốn của cổ đông sáng lập là Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 9 với số cổ phần là 475.000 cổ phần, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Chò tăng từ 45% lên 56,875%. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2010, tổng số vốn Công ty đã góp là 8.060.000.000 VND.
- Theo Nghị quyết số 251/NQ-ĐLKH-HĐQT ngày 17 tháng 10 năm 2008 của Hội đồng Quản trị, Công ty đồng ý góp vốn với các công ty điện lực khác và Công ty TNHH Đầu tư Điện lực Triết Giang, thành lập Công ty Cổ phần Thiết bị điện VINASINO, với số vốn góp là 350.000USD, chiếm 5% vốn điều lệ của VINASINO. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty đã góp 4.620.000.000 VND.
- Ngày 31 tháng 10 năm 2007, Hội đồng Quản trị đã họp và ra Nghị quyết số 120/NQ-ĐLKH-HĐQT về việc đầu tư vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 với số tiền 12 tỷ VND, tương ứng 2% vốn điều lệ. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2010, tổng số vốn Công ty đã góp là 4 tỷ VND.
- Công ty đã tham gia thành lập Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hòa, sản xuất và kinh doanh bê tông công nghiệp, vốn điều lệ 10 tỷ VND; trong đó, Công ty nắm giữ 31% cổ phần. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2010, tổng số vốn Công ty đã góp là 4.650.000.000 VND.

- Theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị lần thứ 11 ngày 31 tháng 10 năm 2007, Công ty sẽ đầu tư vào Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực Nha Trang với số tiền là 80 tỷ VND, chiếm 8% vốn điều lệ. Theo Nghị quyết số 109/NQ-ĐLKH-HĐQT ngày 10 tháng 11 năm 2009, Hội đồng Quản trị thống nhất việc góp thay 1,64% vốn điều lệ cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam, nâng tỷ lệ vốn góp của Công ty tại Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực Nha Trang lên 9,64% vốn điều lệ. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty đã góp 16.267.500.000 VND.

#### 24. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Các giao dịch không bằng tiền trọng yếu ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất bao gồm:

- Tiền dùng để mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm số tiền 839.916.579 VND (2009: 3.593.476.501 VND), là số tiền dùng để mua thêm tài sản cố định phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.
- Tiền dùng để mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm số tiền 62.089.663.033 VND (2009: 0 VND), là số tài sản cố định nhận bàn giao từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các công ty trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được.
- Các nghiệp vụ phân chia lợi nhuận sau thuế để tăng vốn điều lệ và tăng các quỹ: thuyết minh số 15.

#### 25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<b>2010</b>	<b>2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tập đoàn Điện lực Việt Nam</b>		
Mua điện thương phẩm	694.853.311.205	559.320.546.788
Trả gốc vay	67.383.724.803	28.909.904.607
Trả lãi vay	6.469.604.754	5.899.915.393
Trả cổ tức (bằng tiền mặt và cổ phiếu)	12.846.856.200	28.413.538.200
Phải trả khác (vật tư, công cụ, VAT)	37.901.057.196	-
<b>Tổng Công ty Điện lực Miền Trung</b>		
Chia cổ tức	10.705.713.500	-
Trả gốc vay	8.693.569.962	10.600.545.012
Trả lãi vay	3.611.757.365	3.880.250.848
<b>Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Chò</b>		
Nhượng bán vật tư, hàng hóa	442.956.183	316.358.583
Mua vật tư hàng hóa	23.638.554	-
Nhận thầu xây lắp	1.844.974.789	-
<b>Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm</b>		
Nhượng bán tài sản cố định	-	2.967.000.000
Mua vật tư	12.056.250.399	1.461.318.000
<b>Lương thanh toán cho Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị</b>	<b>959.910.966</b>	<b>604.005.648</b>

**25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<b>31/12/2010</b>	<b>31/12/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tập đoàn Điện lực Việt Nam</b>		
Tiền mua điện thương phẩm phải trả	33.184.096.912	-
Lãi vay phải trả	1.423.179.250	1.658.506.290
Gốc vay phải trả	227.619.893.993	293.005.027.598
Tiền mua tài sản cố định	599.463.505	32.140.681.180
Phải trả khác	-	38.166.787.936
<b>Tổng Công ty Điện lực Miền Trung</b>		
Gốc vay phải trả	46.364.930.577	54.245.289.717
Gốc nợ phải trả	19.851.709.561	17.759.430.768
Phải trả khác	9.559.182.676	9.583.682.630
<b>Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Chò</b>		
Nhượng bán vật tư, hàng hóa	26.002.409	337.106.000
Nhận thầu xây lắp	1.329.472.268	(200.000.000)
<b>Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm</b>		
Nhượng bán tài sản cố định	1.477.000.000	2.397.886.200
Mua vật tư	56.011.636	106.596.630

**26. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Ngày 23 tháng 2 năm 2011, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 269/QĐ-TTg về giá bán điện năm 2011. Theo Quyết định này, Thủ tướng đã phê duyệt giá bán điện bình quân là 1.242 VND/Kwh (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng), tăng 165 VND/Kwh so với giá bán điện bình quân thực hiện năm 2010. Thông tư số 05/2011/TT-BCT của Bộ Công thương ngày 25 tháng 2 năm 2011 ban hành quy định về giá bán điện và hướng dẫn thực hiện Quyết định số 269 của Thủ tướng Chính phủ, theo đó giá bán điện của Công ty được điều chỉnh kể từ ngày 1 tháng 3 năm 2011.

**27. THÔNG TIN SO SÁNH**

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.

Khánh Hòa, ngày 25 tháng 3 năm 2011

<p>Người lập</p>  <p>Nguyễn Thị Chí</p>	<p>Kế toán trưởng</p>  <p>Trần Thị Triều Linh</p>	<p>Tổng Giám đốc</p>  <p>Nguyễn Thanh Lâm</p>
--	--	---

